

TUẦN 1

BÀI: TRÊN – DƯỚI. PHẢI – TRÁI. TRƯỚC SAU. Ở GIỮA

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- MT1: Xác định được vị trí : *Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* trong tình huống cụ thể và có thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ.
- MT2: Thực hành trải nghiệm sử dụng các từ ngữ : *Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa* để mô tả vị trí tương đối các đối tượng cụ thể trong các tình huống thực tế.
- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.
- Học sinh quan sát và trình bày được kết quả quan sát thông qua các hoạt động học.
- Học sinh nghe hiểu và trình bày được vấn đề toán học do giáo viên đưa ra.
- Vận dụng được kiến thức kĩ năng được hình thành trong bài học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Giáo án.
- Tranh tình huống.
- Bộ đồ dùng Toán 1.
- Bảng nhóm: Dùng trong hoạt động thực hành luyện tập.

2. Học sinh:

- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - GV giới thiệu: Học toán lớp 1, chúng ta sẽ được học số, học các phép tính, các hình đơn giản và thực hành lắp ghép, đo độ dài, xem đồng hồ, xem lịch. - GV hướng dẫn HS làm quen với bộ đồ dùng để học toán. - GV hướng dẫn học sinh các hoạt động cá nhân, nhóm, cách phát biểu. - GV cho HS xem tranh khởi động trong SGK. B. Hoạt động hình thành kiến thức. - GV cho HS chia lớp theo nhóm bàn - GV cho HS quan sát tranh vẽ trong khung kiến thức (trang 6). - GV đưa ra yêu cầu các nhóm sử dụng các từ <i>Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa</i> để nói về vị trí của các sự vật trong bức tranh. - GV gọi HS lên bảng chỉ vào từng bức tranh nhỏ trong khung kiến thức và nói về vị trí các bạn trong tranh.	- Theo dõi - HS làm quen với tên gọi, đặc điểm các đồ dùng học toán - HS làm quen với các quy định - HS xem và chia sẻ những gì các em thấy trong SGK - HS chia nhóm theo bàn - HS làm việc nhóm - HS trong nhóm lần lượt nói về vị trí các vật. Ví dụ: Bạn gái đứng sau cây; - Đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày.

- GV nhận xét - GV cho vài HS nhắc lại - GV chú ý học sinh khi miêu tả vị trí cần xác định rõ vị trí của các sự vật khi so sánh với nhau. C. Hoạt động thực hành luyện tập. Bài 1. Dùng các từ <i>Trên, dưới, phải, trái, trước, sau, ở giữa</i> để nói về bức tranh sau. - GV chiếu bức tranh bài tập 1 lên màn hình. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS trao đổi thảo luận theo nhóm bàn. - GV gọi các nhóm lên báo cáo - GV nhận xét chung. - GV yêu cầu HS quan sát tranh trả lời theo yêu cầu : + Kể tên những vật ở dưới gầm bàn. + Kể tên những vật ở trên bàn + Trên bàn có những vật nào bên trái bạn gái? + Trên bàn có những vật nào bên phải bạn gái? - GV hướng dẫn HS thao tác : lấy và đặt bút chì ở giữa, bên trái là tẩy, bên phải là hộp bút. - GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn. Bài 2. Bạn nhỏ trong tranh muốn đến trường thì phải rẽ sang bên nào? Muốn đến bưu điện thì phải rẽ sang bên nào? - GV chiếu bức tranh bài tập 2 lên màn hình. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS trao đổi thảo luận theo nhóm bàn theo hướng dẫn : + Bạn nhỏ trong tranh muốn đến trường thì phải rẽ sang bên nào? + Bạn nhỏ trong tranh muốn đến bưu điện thì phải rẽ sang bên nào? - GV cho các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.	- HS theo dõi - HS nhắc lại vị trí của các bạn trong hình. - HS theo dõi. - HS quan sát - 2 HS nhắc lại yêu cầu bài - Làm việc nhóm - Đại diện các nhóm lên báo cáo, HS khác theo dõi, nhận xét - HS kể + Cặp sách, giỏ đựng rác + Bút chì, thước kẻ, hộp bút, quyển sách + Bút chì, thước kẻ + Hộp bút - HS thực hiện - HS quan sát - 2 HS nhắc lại yêu cầu bài - Làm việc nhóm + Bạn nhỏ trong tranh muốn đến trường thì phải rẽ sang bên phải. + Bạn nhỏ trong tranh muốn đến bưu điện thì phải rẽ sang bên trái. - Đại diện các nhóm lên báo cáo, HS khác theo dõi, nhận xét
---	--

- GV cùng HS nhận xét Bài 3. a) Thực hiện lần lượt các động tác sau. b) Trả lời câu hỏi: phía trước, phía sau, bên phải, bên trái em là bạn nào? - GV chiếu bức tranh bài tập 1 lên màn hình. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS đứng dậy lắng nghe và thực hiện yêu cầu của GV qua trò chơi “Làm theo tôi nói, không làm theo tôi làm”: + Giơ tay trái. + Giơ tay phải. + Vỗ nhẹ tay trái vào vai phải. + Vỗ nhẹ tay phải vào vai trái. - GV nhận xét - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Phía trước, phía sau, bên trái, bên phải em là bạn nào. - GV nhận xét D. Hoạt động vận dụng - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Những điều em học hôm nay giúp ích gì được cho em trong cuộc sống. - Khi tham gia giao thông em đi đường bên nào? - Khi lên xuống cầu thang em đi bên nào? E. Củng cố, dặn dò - Trong cuộc sống có rất nhiều quy tắc liên quan đến “phải - trái” khi mọi người làm việc theo các quy tắc thì cuộc sống trở nên có trật tự. - Về nhà, các em tìm hiểu thêm những quy định liên quan đến “phải - trái”.	- HS quan sát - 2 HS nhắc lại yêu cầu bài - HS chơi trò chơi : Thực hiện các yêu cầu của GV - HS trả lời - Lắng nghe - HS trả lời theo vốn sống của bản thân - Đi bên phải - HS trả lời - Lắng nghe - Lắng nghe
--	--

BÀI: HÌNH VUÔNG – HÌNH TRÒN

HÌNH TAM GIÁC- HÌNH CHỮ NHẬT

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Gọi đúng tên các hình đó.
- Nhận ra được hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật từ các vật thật.

- Ghép được các hình đã biết thành hình mới.
- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.
- Học sinh phát triển năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc quan sát, nhận dạng và phân loại hình.
- Học sinh phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua việc quan sát, nhận dạng và phân loại hình.
- Học sinh phát triển năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán thông qua việc lắp ghép tạo hình mới.
- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc trình bày ý tưởng, đặt và trả lời câu hỏi.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Các thẻ hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật có kích thước, màu sắc khác nhau.

2. Học sinh:

- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - Cho học sinh xem tranh khởi động và làm việc theo nhóm đôi. - Cho học sinh các nhóm lên chia sẻ - Giáo viên nhận xét chung	- Học sinh xem tranh và chia sẻ cặp đôi về hình dạng các đồ vật trong tranh - Đại diện các nhóm lên chia sẻ : + Mặt đồng hồ hình tròn + Lá cờ có dạng hình tam giác
B. Hoạt động hình thành kiến thức. 1. Nhận biết hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. * Hoạt động cá nhân: - Lấy ra một nhóm các đồ vật có hình dạng và màu sắc khác nhau: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - Giáo viên quan sát, giúp đỡ học sinh. - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình vuông (với các kích thước màu sắc khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó. - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình tròn (với các kích thước màu sắc khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó. - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình tam giác (với các kích thước màu sắc khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó. - GV lấy ra lần lượt từng tấm bìa hình chữ nhật (với các kích thước màu sắc	- Học sinh lấy trong bộ đồ dùng các đồ vật theo yêu cầu. - Học sinh quan sát và nêu : Hình vuông - Học sinh quan sát và nêu : Hình vuông - Học sinh quan sát và nêu : Hình tròn - Học sinh quan sát và nêu : Hình tam giác - Học sinh quan sát và nêu : Hình chữ

khác nhau) yêu cầu học sinh gọi tên hình đó. * Hoạt động nhóm: - Giáo viên yêu cầu học sinh kể tên các đồ vật trong thực tế có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - Giáo viên gọi học sinh lên chia sẻ trước lớp. - Giáo viên cho các nhóm nhận xét. - Giáo viên nhận xét. C. Hoạt động thực hành luyện tập. Bài 1. Kể tên các đồ vật trong hình vẽ có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - Giáo viên nêu yêu cầu của bài - Giáo viên cho học sinh thực hiện theo cặp. - Gọi các nhóm lên chia sẻ - Giáo viên hướng dẫn HS cách nói đủ câu, cách nói cho bạn nghe và lắng nghe bạn nói. Bài 2. Hình tam giác có màu gì? Hình vuông có màu gì? Gọi tên các hình có màu đỏ. - Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập - Giáo viên cho học sinh làm việc theo nhóm đôi - GV rèn HS cách đặt câu hỏi, cách trả lời, cách quan sát và phân loại hình theo màu sắc, hình dạng. - GV cho học sinh các nhóm báo cáo kết quả làm việc. - GV khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của mình Bài 3. Ghép hình em thích - Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập - GV cho học sinh làm việc nhóm	nhật - Học sinh làm việc theo nhóm 4 : Học sinh trong nhóm tên các đồ vật có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - Đại diện các nhóm lên chia sẻ trước lớp. - Các nhóm cùng giáo viên nhận xét - Học sinh lắng nghe và nhắc lại yêu cầu - Học sinh xem hình vẽ và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - Đại diện các nhóm lên chia sẻ : + Bức ảnh hình vuông + Cái đĩa nhạc, biển báo giao thông hình tròn + Cái phong bì thư hình chữ nhật + Biển báo giao thông hình tam giác - 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài - 1 HS nêu câu hỏi, 1 HS trả lời - HS sửa cách đặt câu hỏi, cách trả lời - Các nhóm báo cáo kết quả - 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài tập - Các nhóm lựa chọn hình định lắp ghép, suy nghĩ, sử dụng các hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật để
--	---

- Giáo viên cho các nhóm lên chia sẻ các hình ghép của nhóm - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho nhóm bạn. D. Hoạt động vận dụng Bài 4. Kể tên các đồ vật trong thực tế có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. - Giáo viên nêu yêu cầu của bài tập - Giáo viên cho học sinh quan sát và chia sẻ các đồ vật xung quanh có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. E. củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết được thêm được điều gì?	ghép các hình đã lựa chọn. - Các nhóm lên trưng bày và chia sẻ sản phẩm của nhóm - 2 HS nhắc lại yêu cầu của bài tập - HS quan sát và chia sẻ - HS lên chia sẻ
--	--

BÀI: CÁC SỐ 1, 2, 3

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 3. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 1, 2, 3.
- Đọc, viết được các số 1, 2, 3.
- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 1, 2, 3.
- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.
- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng....
- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Tranh tình huống
- Một số chấm tròn, thẻ số 1, 2, 3 (trong bộ đồ dùng toán học)
- Một số đồ dùng quen thuộc với học sinh : 1 bút chì, 3 que tính, 2 quyển vở,...

2. Học sinh:

- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh. - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh	- HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm : + 1 con mèo + 2 con chim + 3 bông hoa

- GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp

- Giáo viên nhận xét chung

B. Hoạt động hình thành kiến thức.

1. Hình thành các số 1, 2, 3

*** Quan sát**

- GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức.

- Có mấy con mèo? Mấy chấm tròn?

- Vậy ta có số mấy?

- GV giới thiệu số 1

- Có mấy con chim? Mấy chấm tròn?

- Vậy ta có số mấy?

- GV giới thiệu số 2

- Có mấy bông hoa? Mấy chấm tròn?

- Vậy ta có số mấy?

- GV giới thiệu số 3

*** Nhận biết số 1, 2, 3**

- GV yêu cầu học sinh lấy ra 1 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.

- GV yêu cầu học sinh lấy ra 2 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.

- GV yêu cầu học sinh lấy ra 3 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.

- Giáo viên vỗ tay 2 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay

- Giáo viên vỗ tay 1 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay

- Giáo viên vỗ tay 3 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay

2. Viết các số 1, 2, 3

*** Viết số 1**

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 1 cao 4 li. Gồm 2 nét : nét 1 là thẳng xiên và nét 2 là thẳng đứng.

+ Cách viết:

Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 4, viết nét

- Các nhóm lần lượt lên chia sẻ

- HS đếm số con mèo và số chấm tròn

- Có 1 con mèo, 1 chấm tròn

- Ta có số 1.

- HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại

- Có 2 con chim, 2 chấm tròn

- Ta có số 2.

- HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại

- Có 3 bông hoa, 3 chấm tròn

- Ta có số 3.

- HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại

- HS làm việc cá nhân lấy 1 que tính rồi đếm : 1

- HS làm việc cá nhân lấy 2 que tính rồi đếm : 1, 2

- HS làm việc cá nhân lấy 3 que tính rồi đếm : 1, 2, 3

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 2

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 1

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 3

- Học sinh theo dõi và quan sát

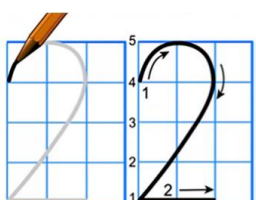
- Viết theo hướng dẫn

thẳng xiên đến đường kẻ 5 thì dừng lại.
Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng đứng xuống phía dưới đến đường kẻ 1 thì dừng lại.

- GV cho học sinh viết bảng con

* *Viết số 2*

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 2 cao 4 li. Gồm 2 nét : Nét 1 là kết hợp của hai nét cơ bản: cong trên và thẳng xiên. Nét 2 là thẳng ngang

+ Cách viết:

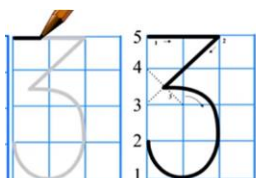
Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 4, viết nét cong trên nối với nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.

Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 1) bằng độ rộng của nét cong trên.

- GV cho học sinh viết bảng con

* *Viết số 3*

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 3 cao 4 li. Gồm 3 nét : 3 nét. Nét 1 là thẳng ngang, nét 2: thẳng xiên và nét 3: cong phải

+ Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng lại.

+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên đến khoảng giữa đường kẻ 3 và đường kẻ 4 thì dừng lại.

+ Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2

- HS tập viết số 1

- Học sinh theo dõi và quan sát

- Viết theo hướng dẫn

- HS tập viết số 2

- Học sinh theo dõi và quan sát

- Viết theo hướng dẫn

chuyển hướng bút viết nét cong phải xuống đến đường kẻ 1 rồi lượn lên đến đường kẻ 2 thì dừng lại.

- GV cho học sinh viết bảng con

- GV cho học sinh viết các số 1, 2, 3

* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó.

C. Hoạt động thực hành luyện tập.

Bài 1. Số ?

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV cho học sinh làm việc cá nhân

- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.

- GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm

Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)

- GV hướng dẫn HS làm mẫu

+ Quan sát hình đầu tiên có mấy chấm tròn?

+ 1 chấm tròn ghi số mấy?

- GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:

+ Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng chấm tròn cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.

+ Lấy số chấm tròn cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại

+ Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.

Bài 3. Số ?

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV cho học sinh làm bài cá nhân

- GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-3 và 3-1

- GV cùng HS nhận xét tuyên dương

D. Hoạt động vận dụng

Bài 4. Số ?

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi

- GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp

- HS tập viết số 3

- HS viết cá nhân

- HS lắng nghe

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài

- HS đếm số lượng các con vật có trong bài rồi đọc số tương ứng.

- HS thay nhau chỉ vào từng hình nói :

+ Hai con mèo. Đặt thẻ số 2

+ Một con chó. Đặt thẻ số 1

+ Ba con lợn. Đặt thẻ số 3

+ Có 1 chấm tròn

+ Ghi số 1

- HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu

- HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng.

- HS thi đếm từ 1 đến 3 và đếm từ 3 đến 1

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu

- HS quan sát tranh suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng của quyển sách, cái kéo, bút chì, tẩy có trong hình.

- Các nhóm lần lượt lên chia sẻ

- GV cùng học sinh nhận xét E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý.	+ Có 3 quyển sách + Có 2 cái kéo + Có 3 bút chì + Có 1 cục tẩy
--	---

TUẦN 2

BÀI: CÁC SỐ 4, 5, 6

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 6. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 4, 5, 6.
- Đọc, viết được các số 4, 5, 6.
- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 4, 5, 6.
- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.
- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng....
- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

II. CHUẨN BỊ:

- Tranh tình huống
- Một số chấm tròn, hình vuông; các thẻ số từ 1 đến 6 trong bộ đồ dùng Toán 1.
- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh. - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp - Giáo viên nhận xét chung B. Hoạt động hình thành kiến thức. 1. Hình thành các số 4, 5, 6. * Quan sát - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số	- HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm : + 4 bông hoa + 5 con vịt + 6 quả táo - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ - HS đếm số con mèo và số chấm tròn

châm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức.

- Có mấy bông hoa? Mấy châm tròn?
- Vậy ta có số mấy?
- GV giới thiệu số 4
- Có mấy con vịt? Mấy châm tròn?
- Vậy ta có số mấy?
- GV giới thiệu số 5
- Có mấy quả táo? Mấy châm tròn?
- Vậy ta có số mấy?
- GV giới thiệu số 3

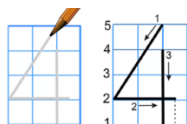
*** Nhận biết số 4, 5, 6.**

- GV yêu cầu học sinh lấy ra 4 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.
- GV yêu cầu học sinh lấy ra 5 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.
- GV yêu cầu học sinh lấy ra 6 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.
- Giáo viên vỗ tay 6 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay
- Giáo viên vỗ tay 4 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay
- Giáo viên vỗ tay 5 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay

2. Viết các số 4, 5, 6.

*** Viết số 4**

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 4 cao: 4 li (5 đường kẻ ngang).
Gồm 3 nét: Nét 1: thẳng xiên, nét 2: thẳng ngang và nét 3: thẳng đứng.

+ Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới) đến đường kẻ 2 thì dừng lại.

+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1 chuyển hướng bút viết nét thẳng ngang rộng hơn một nửa chiều cao một chút thì dừng lại.

+ Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia

- Có 4 con mèo, 4 châm tròn
- Ta có số 4.
- HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại
- Có 5 con chim, 5 châm tròn
- Ta có số 5.
- HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại
- Có 5 quả táo, 5 châm tròn
- Ta có số 5.
- HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại

- HS làm việc cá nhân lấy 4 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4

- HS làm việc cá nhân lấy 5 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5

- HS làm việc cá nhân lấy 6 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 6

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 4

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 5

- Học sinh theo dõi và quan sát

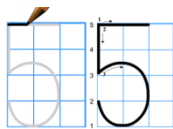
- Viết theo hướng dẫn

bút lên đường kẻ 4 viết nét thẳng đứng từ trên xuống (cắt ngang nét 2) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.

- GV cho học sinh viết bảng con

* *Viết số 5*

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 4 cao: 4 li (5 đường kẻ ngang). Gồm 3 nét. Nét 1: thẳng ngang, nét 2: thẳng đứng và nét 3: cong phải.

+ Cách viết:

Cách viết số 5

+ Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng lại.

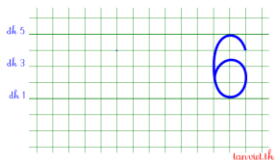
+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút trở lại điểm đặt bút của nét 1, viết nét thẳng đứng đến đường kẻ 3 thì dừng lại.

+ Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2 chuyển hướng bút viết nét cong phải đến đường kẻ 2 thì dừng lại.

- GV cho học sinh viết bảng con

* *Viết số 6*

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 6 cao 4 li. Gồm 1 nét. Nét viết chữ số 6 là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trên và cong kín.

+ Cách viết:

Đặt bút trên đường kẻ 4, viết nét cong trên (từ phải sang trái), đến đường kẻ 2 thì viết tiếp nét cong kín. Khi chạm vào nét cong thì dừng lại.

- GV cho học sinh viết bảng con

- GV cho học sinh viết các số 4, 5, 6

* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó.

C. Hoạt động thực hành luyện tập.

- HS tập viết số 4

- Học sinh theo dõi và quan sát

- Viết theo hướng dẫn

- HS tập viết số 5

- Học sinh theo dõi và quan sát

- Viết theo hướng dẫn

- HS tập viết số 6

- HS viết cá nhân

- HS lắng nghe

Bài 1. [Số] ?

- GV nêu yêu cầu bài tập
- GV cho học sinh làm việc cá nhân
- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.

- GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm

Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)

- GV hướng dẫn HS làm mẫu
- + Quan sát hình đầu tiên có mấy ô vuông?
- + 3 ô vuông ghi số mấy?
- GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác:
- + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng ô vuông cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài.
- + Lấy số ô vuông cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại
- + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả.

Bài 3. [Số] ?

- GV nêu yêu cầu bài tập
- GV cho học sinh làm bài cá nhân
- GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-6 và 6-1
- GV cùng HS nhận xét tuyên dương

D. Hoạt động vận dụng**Bài 4. [Số] ?**

- GV nêu yêu cầu bài tập
 - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi
 - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp
 - GV cùng học sinh nhận xét
- E. Củng cố, dặn dò**
- Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì?
 - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý.

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài
- HS đếm số lượng mỗi loại quả có trong bài rồi đọc số tương ứng.
- HS thay nhau chỉ vào từng hình nói :
 - + 5 quả cà. Đặt thẻ số 5
 - + 4 quả dưa. Đặt thẻ số 4
 - + 6 củ cà rốt. Đặt thẻ số 6

- + Có 3 ô vuông

- + Ghi số 3

- HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên lấy

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu
- HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng.
- HS thi đếm từ 1 đến 6 và đếm từ 6 đến 1

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu
- HS quan sát tranh suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng của quyển sách, cái kéo, bút chì, tẩy có trong hình.
- Các nhóm lần lượt lên chia sẻ
 - + Có 4 cái nôi
 - + Có 5 cái ly
 - + Có 6 quả thanh long
 - + Có 4 cái đĩa

BÀI: CÁC SỐ 7, 8, 9

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng:

- Biết cách đếm các nhóm đồ vật có số lượng đến 9. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về các số 7, 8, 9
- Đọc, viết được các số 7, 8, 9.
- Lập được các nhóm đồ vật có số lượng 7, 8, 9.
- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.
- Học sinh phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học thông qua hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nêu số tương ứng....
- Học sinh phát triển năng lực giao tiếp toán học thông qua việc đếm, sử dụng các số để biểu thị số lượng, trao đổi với bạn về số lượng của sự vật trong tranh.

II. CHUẨN BỊ:

- Tranh tình huống
- Một số que tính, chấm tròn, hình tam giác; thẻ số từ 1 đến 9 trong bộ đồ dùng Toán 1.
- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

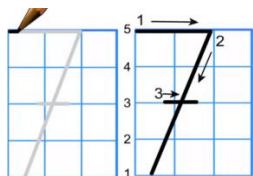
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - GV cho HS quan sát tranh khởi động trang 10 SGK và làm việc nhóm đôi về số lượng các sự vật trong tranh. - GV theo dõi, giúp đỡ học sinh - GV gọi một vài cặp lên chia sẻ trước lớp - Giáo viên nhận xét chung	- HS làm việc nhóm đôi: cùng quan sát và chia sẻ trong nhóm : + 7 cái trống + 8 máy bay + 9 ô tô - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ
B. Hoạt động hình thành kiến thức. 1. Hình thành các số 7, 8, 9. * Quan sát - GV yêu cầu HS đếm số con vật và số chấm tròn ở dòng thứ nhất của khung kiến thức. - Có mấy cái trống? Mấy chấm tròn? - Vậy ta có số mấy? - GV giới thiệu số 7 - Có mấy máy bay? Mấy chấm tròn? - Vậy ta có số mấy? - GV giới thiệu số 8. - Có mấy ô tô? Mấy chấm tròn? - Vậy ta có số mấy? - GV giới thiệu số 9. * Nhận biết số 7, 8, 9.	- HS đếm số con mèo và số chấm tròn - Có 7 cái trống, 7 chấm tròn - Ta có số 7. - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại - Có 8 máy bay, 8 chấm tròn - Ta có số 8. - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại - Có 9 ô tô, 9 chấm tròn - Ta có số 9. - HS quan sát, một vài học sinh nhắc lại

- GV yêu cầu học sinh lấy ra 7 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.
- GV yêu cầu học sinh lấy ra 8 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.
- GV yêu cầu học sinh lấy ra 9 que tính rồi đếm số que tính lấy ra.
- Giáo viên vỗ tay 7 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay
- Giáo viên vỗ tay 8 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay
- Giáo viên vỗ tay 9 cái yêu cầu học sinh lấy thẻ có ghi số tương ứng với tiếng vỗ tay

2. Viết các số 7, 8, 9.

* Viết số 7

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



- + Số 7 cao: 4 li (5 đường kẻ ngang). Gồm 3 nét. Nét 1: thẳng ngang, nét 2: thẳng xiên và nét 3: thẳng ngang (ngắn).

+ Cách viết:

- + Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 viết nét thẳng ngang (trùng đường kẻ 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng lại.

- + Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến đường kẻ 1 thì dừng lại.

- + Nét 3: Từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên khoảng giữa, viết nét thẳng ngang ngắn trên đường kẻ 3 (cắt ngang nét 2).

- GV cho học sinh viết bảng con

* Viết số 8

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



- + Số 8 cao: 4 li (5 đường kẻ ngang). Gồm 2 nét. Nét 1: cong kín, nét 2: cong

- HS làm việc cá nhân lấy 7 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

- HS làm việc cá nhân lấy 8 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

- HS làm việc cá nhân lấy 9 que tính rồi đếm : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 7

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 8.

- HS làm việc cá nhân : nghe tiếng vỗ tay lấy thẻ có ghi số 9.

- Học sinh theo dõi và quan sát

- Viết theo hướng dẫn

- HS tập viết số 7

- Học sinh theo dõi và quan sát

dưới.

+ Cách viết:

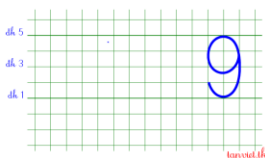
+ Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng lại.

+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong dưới đến đường kẻ 2 thì dừng lại.

- GV cho học sinh viết bảng con

* *Viết số 9*

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 6 cao 4 li. Gồm 2 nét. Nét 1: cong kín, nét 2: cong dưới.

+ Cách viết:

+ Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng lại.

+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong dưới, đến đường kẻ 2 thì dừng lại.

- GV cho học sinh viết bảng con

- GV cho học sinh viết các số 7, 8, 9.

* GV đưa ra một số trường hợp viết sai, viết ngược để nhắc nhở học sinh tránh những lỗi sai đó.

C. Hoạt động thực hành luyện tập.

Bài 1. Số ?

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV cho học sinh làm việc cá nhân

- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi trao đổi với bạn về số lượng.

- GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm

Bài 2. Lấy hình phù hợp (theo mẫu)

- GV hướng dẫn HS làm mẫu

+ Quan sát hình đầu tiên có mấy tam

- Viết theo hướng dẫn

- HS tập viết số 8

- Học sinh theo dõi và quan sát

- Viết theo hướng dẫn

- HS tập viết số 9

- HS viết cá nhân

- HS lắng nghe

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài

- HS đếm số lượng mỗi loại đồ chơi có trong bài rồi đọc số tương ứng.

- HS thay nhau chỉ vào từng hình nói :

+ 8 con gấu. Đặt thẻ số 8

+ 7 đèn ông sao. Đặt thẻ số 7

+ 9 ô tô. Đặt thẻ số 9

+ Có 4 tam giác

giác? + 4 tam giác ghi số mấy? - GV cho học sinh làm phần còn lại qua các thao tác: + Đọc số ghi dưới mỗi hình, xác định số lượng tam giác cần lấy cho đúng với yêu cầu của bài. + Lấy số tam giác cho đủ số lượng, đếm kiểm tra lại + Chia sẻ sản phẩm với bạn, nói cho bạn nghe kết quả. Bài 3. Số ? - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh làm bài cá nhân - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 1-9 và 9-1 - GV cùng HS nhận xét tuyên dương D. Hoạt động vận dụng Bài 4. Số ? - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi - GV cho các nhóm lên chia sẻ trước lớp - GV cùng học sinh nhận xét E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay chúng ta biết thêm được điều gì? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý.	+ Ghi số 4 - HS làm các phần còn lại theo hướng dẫn của giáo viên lấy - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - HS đếm các khối lập phương rồi đọc số tương ứng. - HS thi đếm từ 1 đến 9 và đếm từ 9 đến 1 - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - HS quan sát tranh suy nghĩ, nói cho bạn nghe số lượng của quyền sách, cái kéo, bút chì, tẩy có trong hình. - Các nhóm lần lượt lên chia sẻ + Có 8 hộp quà + Có 9 quả bóng + Có 7 quyển sách
---	--

BÀI: SỐ 0

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- Bước đầu hiểu ý nghĩa của số 0.
- Đọc, viết số 0.
- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 9.
- Học sinh tích cực, hứng thú, chăm chỉ. Thực hiện các yêu cầu của giáo viên nêu ra.
- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 0 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Thông qua việc sử dụng số 0 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 0 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

- Tranh tình huống, các thẻ số từ 0 – 9.

- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

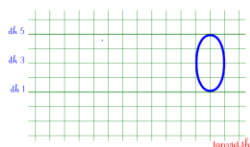
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 16. - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì. - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm B. Hoạt động hình thành kiến thức. 1. Hình thành số 0. * Quan sát khung kiến thức. - GV yêu cầu HS đếm số cá trong mỗi xô và đọc số tương ứng. - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số cá của mỗi bạn mèo. * Quan sát thêm một số tình huống xuất hiện số 0. - GV trình chiếu hình ảnh 2 đĩa táo. - Mỗi đĩa có mấy quả táo? - Vậy ta có các số nào? - GV làm tương tự với chiếc lọ có 5 cái kẹo, một chiếc không có cái kẹo nào. * Trò chơi: Tập tầm vông, tay không tay có.	- HS quan sát tranh trên màn hình. - HS đếm số cá trong xô của mỗi bạn mèo và nói số cá của mỗi bạn: + Bạn mèo thứ nhất có 3 con cá. + Bạn mèo thứ hai có 2 con cá. + Bạn mèo thứ ba có 1 con cá. + Bạn mèo thứ tư có không có con cá nào. - HS đếm và trả lời : + Xô màu xanh nước biển có 3 con cá. Ta có số 3. + Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2. + Xô màu xanh lá cây có 1 con cá. Ta có số 1. + Xô màu cam không có con cá nào. Ta có số 0. - HS lần lượt lấy các tấm thẻ số 3, 2, 1, 0 - HS quan sát. - Đĩa thứ nhất có 3 quả táo, đĩa thứ hai không có quả nào. - Ta có số 3 và số 0. - HS xác định số 5 và số 0

- GV giới thiệu trò chơi: Chủ trò dùng một vật nhỏ lén bỏ vào lòng một bàn tay rồi nắm lại và khoanh tay tròn trước ngực. Chủ trò vừa quay vừa đọc: “Tập tầm vông, tay không tay có. Tập tầm vó, tay có tay không. Tay nào có, tay nào không? Tay nào không, tay nào có? Hết cái ai đoán đúng sẽ được thưởng.

- GV cho học sinh chơi thử.
- GV cho HS chơi theo nhóm đôi.

2. Viết số 0

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết :



+ Số 0 cao 4 li (5 đường kẻ ngang). Gồm 1 nét. Nét viết chữ số 0 là nét cong kín (chiều cao gấp đôi chiều rộng).

+ Cách viết số 0:

Đặt bút phía dưới đường kẻ 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái). Dừng bút ở điểm xuất phát.

Chú ý: Nét cong kín có chiều cao gấp đôi chiều rộng.

- GV cho học sinh viết bảng con
- GV nhận xét.

C. Hoạt động thực hành luyện tập.

Bài 1. a) Mỗi rổ có mấy con?

b) Mỗi hộp có mấy chiếc bút?

- GV nêu yêu cầu bài tập
- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.

- Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.

Bài 2. **Số** ?

- GV nêu yêu cầu bài tập
- GV cho học sinh làm bài cá nhân
- GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-9 và 9-0.
- GV cùng HS nhận xét tuyên dương

D. Hoạt động vận dụng

- Lắng nghe.

- HS chơi thử 1 lần
- HS chơi trò chơi trong 3 phút.

- Học sinh theo dõi và quan sát

- Viết theo hướng dẫn

- HS tập viết số 0

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài
- HS đếm số con chó bông có trong mỗi rổ đọc số tương ứng cho bạn :
- a) 2, 1, 3, 0 con.
- b) 5, 4, 0, 2 cái bút chì.
- Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.
- HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm.

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu
- HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.
- HS thi đếm từ 0 đến 9 và đếm từ 9 đến 0.

Bài 3. Tìm số 0 trên mỗi đồ vật sau.



- GV nêu yêu cầu bài tập
- GV cho học sinh làm bài theo cặp.
- GV yêu cầu học sinh kể tên các đồ vật có số 0 mà em biết xung quanh mình.
- Người ta dùng số 0 trong các tình huống trên để biểu diễn điều gì?
- GV cùng HS nhận xét.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Số 0 giống hình gì?
- Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 0 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu
- HS tìm số 0 ở các đồ vật trong bài 3 rồi nói cho bạn nghe rồi đổi vai.
- HS kể :số 0 trên quạt điện, số 0 trên máy tính, số 0 trong bộ đồ dùng học toán.
- Biểu diễn không có gì ở đó

TUẦN 3

BÀI: SỐ 10

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng:

- Biết cách đếm các đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.
- Đọc, viết số 10.
- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 10.
- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 10 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc sử dụng số 10 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 10 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

- Tranh tình huống.
- Một số chấm tròn, que tính, hình tam giác trong bộ đồ dùng Toán 1.
- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 18. - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi:	- HS quan sát tranh trên màn hình. - HS đếm số quả mỗi loại rồi trao đổi với

nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.

- Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm.

B. Hoạt động hình thành kiến thức.

1. Hình thành số 10.

*** Quan sát khung kiến thức.**

- GV yêu cầu HS đếm số quả táo và số chấm tròn.

- GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số 10.

- GV yêu cầu HS lấy 10 đồ vật bất kì trong bộ đồ dùng toán rồi đếm.

- Y/C HS lên bảng đếm

2. Viết số 10

- GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết số 10:

+ Số 10 gồm có mấy chữ số? Là các chữ số nào?

+ Số 10 gồm có các chữ số nào?

+ Chữ số nào đứng trước, chữ số nào đứng sau?

+ GV yêu cầu HS nêu lại quy trình viết chữ số 1 và chữ số 0.

- GV cho học sinh viết bảng con

- GV nhận xét, sửa cho HS.

C. Hoạt động thực hành luyện tập.

Bài 1. a. Số ?

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.

- Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.

b. Chọn số thích hợp:

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV cho học sinh làm việc cá nhân

bạn:

+ Có 5 quả xoài

+ Có 6 quả cam

+ Có 8 quả na

+ Có 9 quả lê

- HS đếm và trả lời :

+ Có 10 quả táo, có 10 chấm tròn. Số 10.

+ Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2.

- HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng gài số 10.

- HS lấy nhóm đồ vật số lượng là 10 (que tính, chấm tròn) rồi đếm.

- HS ở dưới theo dõi và nhận xét.

- Học sinh theo dõi và quan sát

+ Gồm có 2 chữ số.

+ Chữ số 1 và chữ số 0

+ Chữ số 1 đứng trước, chữ số 0 đứng sau.

+ Vài HS lên chia sẻ cách viết

- HS tập viết số 0

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài

- HS đếm số quả có trong mỗi hình đọc số tương ứng cho bạn :

+ 8 quả na

+ 9 quả lê

+ 10 quả măng cụt

- Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.

- HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm.

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài

- HS đếm số quả có trong mỗi hình rồi chọn số thích hợp có trong ô:

+ 6 quả cam

+ 8 quả chuối

+ 10 quả xoài

- Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. - GV cùng học sinh nhận xét phần chia sẻ của bạn. Bài 2. Lấy số hình phù hợp (theo mẫu) - GV nêu yêu cầu bài tập - GV hướng dẫn HS làm mẫu: + Bên dưới ô đầu tiên là số mấy? + Tiếp theo ta phải làm gì? - GV cho học sinh làm bài cá nhân - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả - GV cùng HS nhận xét tuyên dương Bài 3. [Số] ? - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh làm bài cá nhân - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-10 và 10-0. - GV cùng HS nhận xét tuyên dương D. Hoạt động vận dụng Bài 4. Đếm và chỉ ra 10 bông hoa mỗi loại. - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh làm bài theo cặp. - GV yêu cầu học sinh kể tên các 10 đồ vật có xung quanh mình. - GV cùng HS nhận xét. E. củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- 3 HS lên chia sẻ trước lớp - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu. + Là số 8 + Lấy 8 ô vuông nhỏ trong bộ đồ dùng bỏ vào trong khung hình - HS lần lượt lấy 9 rồi 10 ô vuông nhỏ bỏ vào trong từng khung hình. - HS báo cáo kết quả làm việc. - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống. - HS thi đếm từ 0 đến 10 và đếm từ 10 đến 0. - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - HS đếm đủ 10 bông hoa mỗi loại rồi chia sẻ với bạn cách đếm. - HS kể
---	--

BÀI: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10. Biết đọc, viết các số trong phạm vi 10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 – 10.
- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.
- Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.

- Thông qua các hoạt động : đếm số lượng nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật. Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học.
- Thông qua việc tìm quy luật xếp hình đơn giản, liên hệ thực tế tìm những con vật có 2 chân, 4 chân,... Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ:

- Bộ đồ dùng Toán 1
- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. <i>* Trò chơi : Tôi cần, tôi cần.</i> - Giáo viên hướng dẫn cách chơi: chọn 2-3 đội chơi, mỗi đội 3-5 người chơi. Quản trò nêu yêu cầu. Chẳng hạn: “Tôi cần 3 cái bút chì”. Nhóm nào lấy đủ 3 chiếc bút chì nhanh nhất được 2 điểm. Nhóm nào được 10 điểm trước sẽ thắng cuộc. - GV cho học sinh chơi thử. - GV cho học sinh chơi B. Hoạt động thực hành luyện tập. Bài 1. Mỗi chậu có mấy bông hoa? - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh làm việc cá nhân. - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. Bài 2. Trò chơi “Lấy cho đủ số hình” - GV nêu yêu cầu bài tập - GV hướng dẫn HS cách chơi: Chia lớp thành các nhóm 4. 2 bạn lấy ra 2 số trong phạm vi 10, 2 bạn còn lại lấy ra số đồ vật tương ứng có trong bộ đồ dùng học toán. Sau đó đổi vai. Bạn nào làm nhanh và đúng bạn đó chiến thắng. - GV cho học sinh chơi theo nhóm bốn - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả - GV cùng HS nhận xét tuyên dương Bài 3. Số ? - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh làm bài cá nhân	- HS nghe hướng dẫn chơi - HS chơi thử. - HS chơi - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài - HS đếm số bông hoa và trả lời + Chậu hoa màu hồng có 10 bông hoa. + Chậu hoa màu xanh có 9 bông hoa. + Chậu hoa màu vàng không có bông hoa nào. - Một vài HS lên chia sẻ. - HS đánh giá sự chia sẻ của các bạn. - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu. - Lắng nghe - HS chơi trong vòng 5 phút - HS báo cáo kết quả làm việc. - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - HS tìm quy luật rồi điền các số còn

- GV tổ chức cho học sinh đọc các số trong bài - GV cùng HS nhận xét tuyên dương C. Hoạt động vận dụng Bài 4. Đếm số chân của mỗi con vật sau. - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh chơi trò chơi: Đố bạn - GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên chỉ vào hình các con vật chỉ định 1 bạn bắt kì nói số chân của con vật đó. - GV cho HS chơi thử - GV cho HS chơi - GV cùng HS nhận xét. Bài 3. Tìm hình phù hợp. - GV nêu yêu cầu bài tập - GV cho học sinh làm bài cá nhân - GV tổ chức cho học sinh lên báo cáo kết quả - GV cùng HS nhận xét tuyên dương D. củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.	thiếu vào ô trống. - HS đọc - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - HS lắng nghe - HS quan sát và kể số chân con vật được chỉ định - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - HS tìm quy luật rồi xác định hình phù hợp vào ô trống. - HS nêu kết quả a. Tam giác màu đỏ b. hình chữ nhật màu xanh, hình chữ nhật màu vàng
--	---

BÀI: NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU

I. MỤC TIÊU:

1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:

- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.
- Biết sử dụng từ *nhiều hơn*, *ít hơn*, *bằng nhau* khi so sánh về số lượng.
- Thông qua việc đặt tương ứng 1 – 1 để so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa, năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét chia sẻ ý kiến, sử dụng các từ *nhiều hơn*, *ít hơn*, *bằng nhau* để mô tả, diễn đạt so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Các thẻ bìa : cái cốc, 6 cái đĩa, 5 cái thìa, 6 cái bát; thẻ đúng, thẻ sai
- Một số tình huống đơn giản lên quan đến *nhiều hơn*, *ít hơn*, *bằng nhau*.

2. Học sinh:

- Vở, SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. Hoạt động khởi động. - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động ở trang 22 SGK . - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi những điều mình quan sát được từ bức tranh. - Yêu cầu học sinh nhận xét về số bạn gấu so với số bát, số cốc hay số thìa có trên bàn. - GV theo dõi giúp đỡ các nhóm. Khuyến khích học sinh trao đổi theo ý hiểu và ngôn ngữ của mình. B. Hoạt động hình thành kiến thức. * GV treo tranh lên bảng.  - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ cốc tương ứng để lên bàn. - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn số cốc hay số cốc nhiều hơn số bát? - GV hướng dẫn HS cách xác định số cốc nhiều hơn số bát. + Vẽ đường nối tương ứng thẻ bát và cốc. + Ta thấy số cốc thừa ra mấy cái? + Chúng ta số cốc đã nhiều hơn số bát hay số bát ít hơn số cốc. * GV treo tranh lên bảng.  - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ thìa tương ứng để lên bàn. rồi so sánh số lượng 2 loại - GV cho HS làm việc theo cặp so sánh	- HS quan sát - HS trao đổi những điều quan sát được: + 6 bạn gấu đang ngồi ở bàn ăn. + Trên bàn có 6 cái bát, 7 cái cốc,... - HS trao đổi - HS quan sát - HS thực hiện lấy 6 thẻ bát và 7 thẻ cốc để lên bàn. - HS trao đổi theo cặp : Số cốc nhiều hơn số bát. + HS vẽ theo - Thừa ra 1 cái - HS nhắc lại - Theo dõi - HS theo tác lấy thẻ

như lần trước.

- Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả

* GV treo tranh lên bảng.



- GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ đĩa tương ứng để lên bàn. rồi so sánh số lượng 2 loại

- GV cho HS làm việc theo cặp so sánh như 2 lần trước.

- Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả

- GV Y/C HS nhắc lại : **nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.**

C. Hoạt động thực hành luyện tập.

Bài 1. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau để nói về hình vẽ sau.

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV cho HS quan sát hình vẽ.

+ Trong hình vẽ những gì?

+ Để thực hiện yêu cầu của bài toán thì trước hết ta phải làm gì?

+ Bây giờ chúng ta làm việc theo cặp hãy dùng thẻ đĩa, thìa, cốc để so sánh số thìa với số cốc trong bài 1.

+ Gọi HS báo cáo

- GV cho HS làm bài

- Gọi HS báo cáo kết quả bài 1.

- GV cùng HS khác nhận xét

- GV Y/C cả lớp đọc lại kết quả

Bài 2. Cây bên nào nhiều quả hơn

- GV nêu yêu cầu bài tập

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân

- Mời HS lên chia sẻ kết quả bài làm.

- HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.

- Số bát đã **nhiều hơn** số thìa hay số thìa **ít hơn** số bát.

- Theo dõi

- HS theo tác lấy thẻ

- HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.

- Số bát đã **bằng** số thìa hay số thìa và số bát bằng nhau.

- HS (cá nhân- cả lớp) nhắc lại

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu

- HS quan sát

+ Vẽ cốc, thìa và đĩa.

- So sánh thìa-cốc; thìa-đĩa; đĩa-cốc

+ HS lấy và so sánh số thìa với số cốc và kết luận.

+ Số thìa nhiều hơn số cốc.

- HS làm việc

- Đại diện các cặp lên trình bày:

+ Số thìa nhiều hơn số cốc

Hay số cốc ít hơn số thìa

+ Số đĩa nhiều hơn số cốc

Hay số cốc ít hơn số đĩa

+ Số thìa và số đĩa bằng nhau.

- HS nhận xét bạn

- HS (cá nhân-tổ) đọc

- 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu

- HS làm bài vào vở BT.

- Vài HS lên bảng chia sẻ kết quả và cách làm. Chẳng hạn:

+ Cây bên trái nhiều quả hơn. Cách làm là em dùng bút chì nối từng quả của 2 bên với nhau thấy cây bên trái thừa ra 1

- GV và HS nhận xét - GV cho HS nhắc lại kết quả bài làm D. Hoạt động vận dụng Bài 3. Xem tranh rồi kiểm tra câu nào đúng, câu nào sai. - GV nêu yêu cầu bài tập - Em cho biết bức tranh vẽ gì? - GV đọc từng câu và Y/C HS giờ thẻ đúng/sai. a) Số xô nhiều hơn số xẻng b) Số xẻng ít hơn số người c) Số người và số xô bằng nhau. - GV Y/C HS giải thích lí do chọn đúng hoặc sai. - GV khuyến khích HS quan sát tranh và đặt câu hỏi liên quan đến bức tranh sử dụng các từ <i>nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau</i>. - Gọi HS lên chia sẻ. - GV cùng HS nhận xét E. củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các tình huống thực tế liên quan đến sử dụng các từ : <i>nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau</i>.	quả. Nên cây bên trái nhiều quả hơn. - HS nhận xét bạn. - HS (cá nhân-tổ) nhắc lại kết quả - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu - Tranh vẽ : 5 bạn nhỏ, 5 cái xẻng và 5 cái xô đựng nước. - HS lắng nghe + Quan sát rồi giờ thẻ: a) S b) S c) Đ - HS giải thích cách làm. - HS làm việc theo cặp. - Đại diện các cặp lên chia sẻ - HS khác nhận xét
---	--

TUẦN 4

Bài 10. LỚN HƠN, DẤU > BÉ HƠN, DẤU < BẰNG NHAU, DẤU =

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ (*lớn hơn, bé hơn, bằng nhau*) và các dấu (>, <, =) để so sánh các số.
- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5.
- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ số và các thẻ dấu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
---------------	---------------

A. Hoạt động khởi động

HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. Chẳng hạn: Bức tranh vẽ 3 bạn nhỏ đang chơi với các quả bóng, bạn thứ nhất tay phải cầm 4 quả bóng xanh, tay trái cầm 1 quả bóng đỏ,

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu >

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: “Bên trái có 4 quả bóng. Bên phải có 1 quả bóng, số bóng bên trái *nhiều hơn* số bóng bên phải”.

Nghe GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bóng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”, viết $4 > 1$. Dấu $>$ đọc là “lớn hơn”.

- Thực hiện tương tự, GV gắn bên trái có 5 quả bóng, bên phải có 3 quả bóng.
HS nhận xét: “5 quả bóng nhiều hơn 3 quả bóng”, ta nói: “5 *lớn hơn* 3”, viết $5 > 3$.

2. Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu <

- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ hai và nhận xét: “Bên trái có 2 quả bóng. Bên phải có 5 quả bóng, số bóng bên trái *ít hơn* số bóng bên phải. 2 quả bóng *ít hơn* 5 quả bóng”, ta nói: “2 *bé hơn* 5”, viết $2 < 5$. Dấu $<$ đọc là “bé hơn”.

3. Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu =

- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ ba và nhận xét: “Bên trái có 3 quả bóng. Bên phải có 3 quả bóng, số bóng bên trái và số bóng bên phải *bằng nhau*”.
Ta nói: “3 *bằng* 3”, viết $3 = 3$. Dấu “=” đọc là “bằng”.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với số lượng khối lập phương bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “3 khối lập phương nhiều hơn 1 khối lập phương”. Ta có: “3 lớn hơn 1 viết $3 > 1$ ”.

- HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn.

- HS lấy thẻ dấu $>$ trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài $4 > 1$, đọc “4 *lớn hơn* 1”

- HS lấy thẻ dấu $<$ trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài $2 < 5$, đọc “2 *bé hơn* 5”.

- HS lấy thẻ dấu $=$ trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài $3 = 3$, đọc “3 *bằng* 3”.

- HS quan sát

HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở theo thứ tự: $2 < 5$; $4 = 4$; $4 > 3$.
Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.

Bài 2 - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xeng với một chiếc xô. - Nhận xét: “Mỗi chiếc xeng tương ứng với một chiếc xô, thừa ra một chiếc xô. Vậy số xeng <i>ít hơn</i> số xô”. Ta có: “2 <i>bé hơn</i> 3”, viết $2 < 3$. - Khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em sử dụng các từ ngữ: <i>nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn, bé hơn, bằng nhau</i>. Bài 3 a) HS tập viết các dấu ($>$, $<$, $=$) vào bảng con. b) Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. D. Hoạt động vận dụng Bài 4 - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? E. Củng cố, dặn dò Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc? Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhớ bạn điều gì?	- HS quan sát HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở: $3 > 2$; $2 = 2$. Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. - HS thực hiện - HS chọn đồ vật có ghi số lớn hơn, rồi chia sẻ với bạn cách làm. - Tìm các ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với các bạn.
---	--

Bài 11. LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số trong phạm vi 10.
- Phát triển các NL toán học: NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

II.CHUẨN BỊ

- 2 bộ thẻ số từ 1 đến 5, 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu ($>$, $<$, $=$).

III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm. Mỗi nhóm dùng 2 bộ thẻ các số từ 1 đến 5 và 2 bộ thẻ các dấu ($>$, $<$, $=$) để ghép thành các mệnh đề đúng. Chẳng hạn: $1 < 5$; $4 = 4$; $3 > 2$; ... B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập phương bên trái	- Các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhau, nhóm nào lập được nhiều mệnh đề đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc. - HS rút ra nhận xét qua trò chơi: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì? - HS quan sát - HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và

với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “5 khối lập phương nhiều hơn 3 khối lập phương”, ta có: “5 lớn hơn 3”, viết $5 > 3$.

Bài 2

- Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở.

Bài 3. HS lấy các thẻ số 4, 8, 5. Đồ bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.

Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 3 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên.

C. Hoạt động vận dụng

Bài 4

- Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?

- GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.

D. củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?

- Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì?

viết kết quả vào vở: $4 < 6$; $7 = 7$.

- Đối vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.

- HS thực hiện

- Đối vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.

- HS đếm và chỉ ra bạn có ít viên bi nhất, bạn có nhiều viên bi nhất.

Bài 12. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kỹ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10.
- Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).
- Củng cố kỹ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY

A. Hoạt động khởi động

Bài 1

- Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì?

- HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bức tranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: có 8 bạn nhỏ, có 3 bạn đội mũ, có 1 chiếc bánh sinh nhật, có 6 cây nến, ...

- HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan đến tình huống bức tranh.

HOẠT ĐỘNG HỌC

- HS thực hiện

B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 2. HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp: Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình. Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật. Bài 3. – Cho HS thực hiện các hoạt động sau: Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích hợp. Quan sát hình vẽ, nhận xét: “Có 5 quả bóng, 3 quả bóng vằn đỏ, 2 quả bóng vằn xanh”. GV hướng dẫn HS nói: “5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3”. Thực hiện tương tự với các trường hợp khác. Bài 4. - HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10: a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; b) Tìm các thẻ ghi số lớn hơn 7; c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tự từ bé đến lớn. Bài 5 Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở. HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: Có tất cả 4 hình vuông, 10 hình chữ nhật, 6 hình tam giác và 4 hình tròn. C. Hoạt động vận dụng Bài 6 GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lần lượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm. Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết. Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánh hoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ... D. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Để có thể làm tốt các bài trên em cần phải điều gì?	- HS thực hiện Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm bàn: - HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm. - HS quan sát - HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa. HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả.
---	--

TUẦN 5

Bài 13.

EM VUI HỌC TOÁN

I. MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:
- Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kỹ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.
- Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằng nhiều cách khác nhau.
- Củng cố kỹ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các biển báo giao thông.
- Phát triển các NL toán học: NL mô hình hoá toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bài hát: Em tập đếm.
- Các vật liệu để có thể biểu diễn số lượng, chẳng hạn: dây, đất nặn, sỏi, que tính,...
- Bút màu, giấy vẽ.
- Một số hình ảnh biển báo giao thông.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động 1. Nghe hát, vận động theo nhịp và giờ ngón tay đúng số lượng a. HS nghe và vận động theo nhịp của bài hát “Em tập đếm”. HS giờ các ngón tay theo các số có trong lời bài hát. b. HS thực hiện theo cặp; đọc số, giờ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọc và ngược lại. Khi giờ một số ngón tay, GV yêu cầu HS phải nói đúng số lượng ngón tay vừa giờ. B. Hoạt động 2. Tạo thành các số em thích Làm các số đã học (từ 0 đến 10) bằng các vật liệu khác nhau đã chuẩn bị trước. Chẳng hạn ghép số bằng các viên sỏi, nặn số bằng đất nặn hoặc dùng dây thừng để tạo số, ... - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em. - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng. C. Hoạt động 3. Thể hiện số bằng nhiều cách - Thể hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu, ... - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em. - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng. D. Hoạt động 4. Tìm hiểu biển báo giao thông - Nêu hình dạng của các biển báo giao thông trong hình vẽ. GV giới thiệu cho HS: Trong hình vẽ, thứ tự từ trái qua phải là các biển báo: đường dành cho ô tô, đường dành cho người tàn tật, đường dành cho người đi bộ cắt ngang và đường cấm đi ngược chiều. - Chia sẻ hiểu biết về các biển báo giao thông. Nhận ra biển cấm thường có màu đỏ. E. Củng cố, dặn dò - HS nói cảm xúc sau giờ học. - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học. HS nói về hoạt động nào còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.	HS thực hiện theo nhóm: - HS thực hiện theo nhóm: - HS thực hiện theo nhóm hoặc thực hiện chung cả lớp:

Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp, nhận biết cách sử dụng các dấu (+, =).

- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa gộp) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: + <i>Quan sát hai bức tranh</i> trong SGK. + <i>Nói với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 3 quả bóng màu xanh; Có 2 quả bóng màu đỏ; Có tất cả 5 quả bóng được ném vào rổ.</i> - GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được. B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau: Tay phải cầm 3 que tính. Tay trái cầm 2 que tính. <i>Gộp lại</i> (cả hai tay) và đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính. 2. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: <i>Có... Có... Có tất cả...</i> 3. Hoạt động cả lớp: GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính. - GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $3 + 2 = 5$. 3. Củng cố kiến thức mới: - GV nêu tình huống khác, HS đặt phép cộng tương ứng rồi gài phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: GV nêu: “Bên trái có 1 chấm tròn, bên phải có 4 chấm tròn, gộp lại có tất cả mấy chấm tròn? Bạn nào nêu được phép cộng?”; C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: + Bên trái có 2 quả bóng vàng. Bên phải có 1 quả bóng xanh. Có tất cả bao nhiêu quả bóng? + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính $2 + 1 = 3$ vào vở.	- HS thực hiện - HS xem tranh - HS thực hiện - HS nói, chẳng hạn: “Tay phải có 3 que tính. Tay trái có 2 que tính. Có tất cả 5 que tính”. - HS nghe GV giới thiệu phép cộng, dấu +, dấu =: HS nhìn $3 + 2 = 5$ và đọc <i>ba cộng hai bằng năm</i>. - HS gài phép tính $1 + 4 = 5$ vào thanh gài. - Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng. - HS thực hiện - Đối vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu khi nói về bức tranh: *Có...Có...Có tất cả...*

Bài 2

- Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.

- GV chốt lại cách làm bài.

Bài 3. - Cho HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...*

D. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa gộp) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: An có 5 cái kẹo. Bình có 1 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có tất cả mấy cái kẹo?

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.

- HS quan sát tranh . Chia sẻ trước lớp.

Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG (tiếp theo)

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =).
- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa thêm) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết Vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

Các que tính, các chấm tròn.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa thêm).

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY

A.Hoạt động khởi động

- Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:
- + *Quan sát hai bức tranh* trong SGK.
- + *Nói với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh*, chẳng hạn: Có 4 quả bóng trong rổ. Thêm 1 quả bóng. Có tất cả 5 quả bóng trong rổ.
- GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ cho HS và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.

B.Hoạt động hình thành kiến thức

1.GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

HOẠT ĐỘNG HỌC

- HS thực hiện

- HS thao tác trên que tính: Lấy ra 4 que tính. *Lấy thêm* 1 que tính. Đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính?
- HS nói: “Có 4 que tính. Thêm 1 que

2.GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: <i>Có... Thêm... Có tất cả...</i> 3.Hoạt động cả lớp: GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính. - GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $4+1=5$. 4.Củng cố kiến thức mới: - GV nêu tình huống khác, HS nêu phép cộng tương ứng rồi giải thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: “Có 3 ngón tay. Thêm 2 ngón tay. Có tất cả mấy ngón tay? Bạn nào nêu được phép cộng?”. HS giải phép tính $3 + 2 = 5$ vào thanh gài. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: + Có 1 con ong, thêm 1 con ong bay đến. Có tất cả bao nhiêu con ong? - GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu: <i>Có... Thêm... Có tất cả...</i> Bài 2 - Cho HS quan sát các tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. - GV chốt lại cách làm bài. Bài 3. Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: <i>Có... Thêm... Có tất cả...</i> D.Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa thêm) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: Hà có 5 cái kẹo. Mẹ cho thêm 1 cái kẹo. Hà có tất cả mấy cái kẹo?	tính. Có tất cả 5 que tính”. - HS nhìn $4 + 1=5$, đọc <i>bốn cộng một bằng năm</i>. - Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng. + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính $1 + 1 = 2$ vào vở. - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. - HS quan sát . Chia sẻ trước lớp.
E.Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.	

TUẦN 6

Bài 16. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: + <i>Quan sát</i> bức tranh trong SGK. + <i>Nói với bạn</i> về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”. - GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: - GV <i>nói</i> : Bạn gái bên trái có 3 chong chóng - Lấy ra 3 chấm tròn; Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn. Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng $3 + 1$. 2. HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức trang 38 và nói kết quả <i>phép cộng</i> . $4 + 2 = 6$. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: <i>Có... Có... có tất cả...</i> 3. Cùng cố kiến thức mới: GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài. Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả.	 + Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. - HS theo dõi - <i>Quan sát</i> hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38. - HS nói: $3 + 1 = 4$.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính. - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở. - GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổi nhau tìm kết quả phép tính. Bài 2 - Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm để tìm kết quả phép tính). - GV chốt lại cách làm bài. Bài 3 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. <i>Ví dụ câu a):</i> Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: $3 + 2 = 5$. D. Hoạt động vận dụng - Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- Đôi vớ, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. - HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. - HS thực hiện
--	--

Bài 17. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)

I.MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 6*.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
---------------	---------------

A. Hoạt động khởi động

Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:
- Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).
- *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.
- GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.

- GV tổng kết: Có thể nói:
Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.
Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.
Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.
Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.
Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.
- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhằm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $4 + 1$; $1 + 4$; $5 + 1$; $1 + 5$; ...
- Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi để HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chỗ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đổi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: $2 + 3 = 5$; $3 + 2 = 5$; ...

Bài 2. HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp.

Bài 3. phân tích mâu rồi vận dụng để tìm kết quả các phép tính cho trong bài.

- HS thực hiện

- HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6*.
- HS đưa ra *phép cộng* và đổ nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

- HS thực hiện
- Đối vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

- Chia sẻ trước lớp.

- HS quan sát

Bài 4. – Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. a) Bên trái có 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. Có tất cả bao nhiêu con ong? Ta có phép cộng $3 + 3 = 6$. Vậy có tất cả 6 con ong. b) Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. Có thêm 2 bạn đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn? Ta có phép cộng $3 + 2 = 5$. Vậy có tất cả 5 bạn. D. Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- HS quan sát tranh, Chia sẻ trước lớp.
--	--

Bài 18.

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gần gũi với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.
- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - Cho HS thực hiện các hoạt động sau: Chơi trò chơi “Truyền điện” để ôn tập cộng nhẩm trong phạm vi 6 như sau: Bạn A đọc phép cộng rồi chỉ bạn B đọc kết quả. Nếu bạn B đọc kết quả đúng thì bạn B đọc tiếp phép cộng khác rồi chỉ bạn C đọc kết quả. Quá trình cứ tiếp tục như vậy, cuộc chơi dừng lại khi đến bạn đọc kết quả sai. Bạn đó thua cuộc. B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. GV tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm như sau: Một bạn lấy ra một thẻ phép tính đồ bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại. Hoặc cũng có thể chuẩn bị các thẻ trắng để HS tự viết phép tính rồi đồ bạn viết kết quả thích hợp.	- HS thực hiện - Chia sẻ: Cách cộng nhẩm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì? - HS thực hiện

Bài 2

- Cho HS tự tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 6* để tìm kết quả).

- GV chốt lại cách làm bài. Chú ý, trong phép cộng hai số mà có một số bằng 0 thì kết quả bằng số còn lại.

Bài 3

Cho HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích hợp trong mỗi ô có dấu ? của

từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà số 5 có các phép tính: $3 + 2$; $2 + 3$; $4 + 1$



GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

- HS thảo luận với bạn về cách tính nhằm rồi chia sẻ trước lớp.

- HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thể đặt vào mỗi ngôi nhà. Chẳng hạn: Ngôi nhà số 5 còn có thể đặt thêm các phép tính:

$1 + 4$; $5 + 0$; $0 + 5$.

Bài 4

- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.

Ví dụ câu a): Trên cây có 2 con chim. Có thêm 3 con bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim? Ta có phép cộng $2 + 3 = 5$. Vậy có tất cả 5 con chim.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.

D. Củng cố, dặn dò

về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

Chia sẻ trước lớp.

- HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.

TUẦN 7

Bài 19.

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: - Quan sát bức tranh trong SGK. + Có 6 con chim trên cây. Có 4 con chim đang bay đến. Để biết có tất cả bao nhiêu con chim, ta thực hiện phép cộng $6 + 4 = 10$. Có tất cả 10 con chim. + Có 4 bạn đang chơi bập bênh. Có 4 bạn khác đang đi tới. Để biết có tất cả bao nhiêu bạn, ta thực hiện phép cộng $4 + 4 = 8$. Có tất cả 8 bạn. B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Cho HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép cộng: $4 + 3$, rồi viết và đọc kết quả $4 + 3 = 7$. Tương tự HS tìm kết quả các phép cộng còn lại: $6 + 4$; $5 + 4$; $4 + 4$. 2. GV chốt lại cách tìm kết quả một phép cộng (có thể hướng dẫn HS: ngoài chấm tròn có thể sử dụng que tính, ngón tay, ... để tìm kết quả phép tính). 3. Hoạt động cả lớp: - GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện ở trên và nói: $4 + 3 = 7$; $6 + 4 = 10$; $5 + 4 = 9$; $4 + 4 = 8$. 4. Cùng cố kiến thức mới: - GV nêu một số tình huống. HS nêu phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng theo cách vừa học rồi gài phép cộng và kết quả vào thanh gài. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính). Bài 2 - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. Bài 3 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. - GV chốt lại cách làm. GV có thể đưa ra một vài ví dụ mẫu khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. GV khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.	- Nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: - Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. - HS thực hiện - HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép cộng (làm theo nhóm bàn). - Đối vở, đặt và trả lời câu hỏi về các phép tính vừa thực hiện. Chia sẻ trước lớp. - Chia sẻ trước lớp.

D.Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. E.Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	
--	--

Bài 20.

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống thực tế có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - Cho HS thực hiện các hoạt động sau: - Chơi trò chơi “Truyền điện” về phép tính cộng trong phạm vi 10. - Chia sẻ: Cách cộng nhẩm của mình; Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì? B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho cá nhân HS làm bài 1: + Quan sát tranh minh họa và quan sát các thanh chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài. + Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? . Bài 2 - Cho HS tự làm bài 2: + Quan sát tranh minh họa các số ghi trên mỗi cái xăng treo trên giá và các phép tính được nêu trên mặt các xô. - GV chốt lại cách làm bài. Bài 3 - HS tự làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài. Nhận xét kết quả của các phép tính trong mỗi cột và giải thích cho bạn nghe. Chẳng hạn: $7 + 1 = 8$; $1 + 7 = 8$; vậy 7 cộng 1 cũng bằng 1 cộng 7. - GV chốt lại cách làm bài.	- HS thực hiện - HS đối vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho cùng phép tính tương ứng. + Tìm kết quả các phép cộng nêu trên và chọn số thích hợp ghi trên xăng. + Thảo luận với bạn về cách làm. Chia sẻ trước lớp.

Bài 4 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. <i>Ví dụ câu a):</i> Trong hàng rào có 4 con gà. Có 3 con gà đang đi đến. Có tất cả bao nhiêu con gà? Ta có phép cộng: $4 + 3 = 7$. Vậy có tất cả 7 con gà. Vậy phép tính thích hợp là $4 + 3 = 7$. C. Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. D. Củng cố, dặn dò Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- Chia sẻ trước lớp. HS làm tương tự trường hợp còn lại.
--	--

Bài 21. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng có kết quả đến 10 (trong phạm vi 10) và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi 10*.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 10 đã học. B. Hoạt động hình thành kiến thức - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: $1 + 1 = 2$; $3 + 2 = 5$; $4 + 3 = 7$; $5 + 4 = 9$; $6 + 4 = 10$;... - <i>Sắp xếp</i> các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt. - GV giới thiệu <i>Bảng cộng trong phạm vi 10</i> và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.	- HS thực hiện - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc

- GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2

Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.

.....
Dòng thứ chín được coi là Bảng cộng: Một số cộng 9.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng trong phạm vi 10* để tìm kết quả).

- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhằm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $7+1$; $1+7$; $8+2$; $2+8$;...

Bài 2

- Cho HS tự làm bài 2: Thực hiện tính cộng để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp;
GV chốt lại cách làm bài. Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng.

Bài 3

- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.

a) Hai đội chơi kéo co. Bên trái có 5 bạn. Bên phải có 5 bạn. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là $5 + 5 = 10$.

b) Có 7 bạn đang trồng cây. Thêm 2 bạn cầm bình tưới đi đến. Có tất cả bao nhiêu bạn? Phép tính tương ứng là $7 + 2 = 9$.

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ, nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

tùng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 10*.

- HS đưa ra *phép cộng* và đổ nhau tìm kết *quả* (làm theo nhóm bàn).

- HS thực hiện

- Đôi vở, đặt câu hỏi cho nhau; đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

- Chia sẻ trước lớp.

- Chia sẻ trước lớp.

D. Hoạt động vận dụng - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	-HS thực hiện -HS trả lời
--	----------------------------------

TUẦN 8

Bài 22.

LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng cộng và làm tính cộng trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 10.

III .CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động HS chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để ôn tập <i>Bảng cộng trong phạm vi 10</i> . B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).	- HS thực hiện
Bài 2 - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng <i>Bảng cộng trong phạm vi 10</i> để tính). Bài 3 - Cho HS quan sát các ngôi nhà và số ghi trên mỗi mái nhà để nhận ra các phép tính trong ngôi nhà có kết quả là số ghi trên mái nhà. HS lựa chọn số thích hợp trong mỗi dấu ? của từng phép tính sao cho kết quả mỗi phép tính đó là số ghi trên mái nhà, ví dụ ngôi nhà ghi số 7 có các phép tính: $5 + 2$; $4 + 3$; $6 + 1$. - GV chốt lại cách làm. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.	- Đôi vớ, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả của mỗi phép tính. Chia sẻ trước lớp. - HS thực hiện - HS chia sẻ với bạn, đặt câu hỏi cho nhau, cùng tìm thêm các phép tính có thể đặt vào mỗi ngôi nhà.

Chia sẻ trong nhóm.

- Chia sẻ trước lớp.

Vậy phép tính thích hợp là $5 + 3 = 8$.

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10.

- về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

KHỐI HỘP CHỮ NHẬT – KHỐI LẬP PHƯƠNG

- Phát triển các NL toán học: NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

- Một số khối hộp chữ nhật, khối lập phương bằng gỗ hoặc bằng nhựa màu sắc khác nhau.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A.Hoạt động khởi động Thực hiện theo nhóm, HS đặt các đồ vật đã chuẩn bị lên bàn, các bạn trong nhóm cầm đồ vật, chia sẻ hiểu biết về hình dạng của đồ vật đó. B.Hoạt động hình thành kiến thức 1.HS thực hiện lần lượt các thao tác sau dưới sự hướng dẫn của GV: - GV hướng dẫn HS quan sát một khối hộp chữ nhật, xoay, lật, chạm vào các mặt của khối hộp chữ nhật đó và nói: “Khối hộp chữ nhật”.	HS lấy ra một nhóm các đồ vật có hình dạng và màu sắc khác nhau. HS lấy ra một số khối hộp chữ nhật với màu sắc và kích thước khác, nói: “Khối hộp chữ nhật”.

2.HS thực hành theo nhóm yêu cầu: xếp riêng đồ vật thành hai nhóm (các đồ vật dạng khối hộp chữ nhật, các đồ vật có dạng khối lập phương). C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. HS thực hiện theo cặp: - Cho HS xem tranh và nói cho bạn nghe đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật, đồ vật nào có dạng khối lập phương. Chẳng hạn: Tủ lạnh có dạng khối hộp chữ nhật, con súc sắc có dạng khối lập phương. Bài 2a) Cho HS tự đếm số khối hộp chữ nhật, khối lập phương ở mỗi hình vẽ. Chia sẻ kết quả. Chẳng hạn: Chiếc bàn gồm 5 khối hộp chữ nhật; Con ngựa gồm 10 khối lập phương và 4 khối hộp chữ nhật. b)Cho HS suy nghĩ, sử dụng các khối hộp chữ nhật, khối lập phương để ghép thành các hình như gợi ý hoặc các hình theo ý thích. Mời bạn xem hình mới ghép được và nói cho bạn nghe ý tưởng ghép hình của mình. GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn. D.Hoạt động vận dụng Bài 3. Thực hiện theo cặp hoặc theo nhóm: Kể tên các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương trong thực tế. E.Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Về nhà, em hãy quan sát xem những đồ vật nào có dạng khối hộp chữ nhật, những đồ vật nào có dạng khối lập phương để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- HS cầm hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật nói: “Hộp sữa có dạng khối hộp chữ nhật”. - Thực hiện thao tác tương tự với khối lập phương. HS có thể kể thêm các đồ vật xung quanh lớp học có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương. - HS thực hiện - HS thực hiện - Chia sẻ trước lớp.
--	--

Bài 24.

LÀM QUEN VỚI PHÉP TRỪ - DẤU TRỪ

I.MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Làm quen với phép trừ qua các tình huống có thao tác bớt, nhận biết cách sử dụng các dấu $(-, =)$.
- Nhận biết ý nghĩa của phép trừ (với nghĩa bớt) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu $(-, =)$, thanh gài phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ (với nghĩa bớt).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau (theo cặp hoặc nhóm bàn): + <i>Quan sát</i> bức tranh tình huống. + <i>Nói</i> với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh, chẳng hạn: Có 5 con chim đậu trên cây. Có 2 con bay đi. Trên cây còn lại bao nhiêu con chim? - GV hướng dẫn HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được. B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau: - Lấy ra 5 que tính. <i>Bớt đi</i> 2 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? 2. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: <i>Có... Bớt đi... Còn ...</i> 3. Hoạt động cả lớp: - GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện. GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học $5 - 2 = 3$. 4. Củng cố kiến thức mới: - GV nêu tình huống khác, HS đặt phép trừ tương ứng rồi gài thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: GV nêu: “Có 5 chấm tròn. Bớt đi 3 chấm tròn. Hỏi còn lại bao nhiêu chấm tròn? Bạn nào nêu được phép tính”. HS gài phép tính $5 - 3 = 2$ vào thanh gài. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: + Có 3 chú ếch đang ngồi trên lá sen, 1 chú ếch nhảy xuống ao. Hỏi còn lại bao nhiêu chú ếch đang ngồi trên lá sen? + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi ghi phép tính $3 - 1 = 2$ vào vở. - GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu khi nói về các bức tranh: <i>Có... Bớt đi... Còn...</i> Bài 2. - Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải	- HS thực hiện - HS thực hiện - HS nói, chẳng hạn: “Có 5 que tính. Bớt đi 2 que tính. Còn lại 3 que tính”. - HS làm tương tự với các chấm tròn: Lấy ra 5 chấm tròn. Bớt đi 2 chấm tròn. Hỏi còn lại bao nhiêu chấm tròn? - HS nghe GV giới thiệu phép trừ, dấu trừ: nhìn $5 - 2 = 3$; đọc <i>năm trừ hai bằng ba</i> - HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép trừ. - HS thực hiện - Đôi vợ, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. - HS quan sát Chia sẻ trước lớp.

bằng ngôn ngữ cá nhân. GV chốt lại cách làm bài. Bài 3. Cá nhân HS quan sát các tranh vẽ, nêu phép tính phù hợp với mỗi tranh vẽ dựa trên sơ đồ đã cho, suy nghĩ và kể cho bạn nghe một tình huống theo mỗi tranh vẽ	. Chia sẻ trước lớp.
D. Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ (với nghĩa bớt) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: “Hà có 5 cái kẹo. Hà cho bạn 1 cái kẹo. Hỏi Hà còn lại mấy cái kẹo?”. E. Củng cố, dặn dò Bài hôm nay, các em biết thêm được điều gì? về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ để hôm sau chia sẻ với các bạn.	

TUẦN 9

Bài 25.

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6

I. MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề, toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động + Có 4 cái bánh. An ăn 1 cái bánh. Còn lại bao nhiêu cái bánh? Đếm rồi nói: Còn 3 cái bánh. + Ngồi quanh bàn có 5 bạn, 2 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn? Đếm rồi nói: Còn lại 3 bạn đang ngồi quanh bàn. - Làm tương tự với tình huống: Có 5 cốc nước cam. Đã uống hết 3 cốc. Còn lại 2 cốc chưa uống.	HS thực hiện lần lượt các hoạt động (theo cặp hoặc nhóm bàn): <i>Quan sát bức tranh trong SGK.- Nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ. chẳng hạn:</i> Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chỗ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép trừ mà mình quan sát được.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:

Để biết còn lại bao nhiêu con chim (hay chấm tròn) ta thực hiện phép trừ $6 - 4$.

2. Cho HS thực hiện tương tự với tình huống “cốc nước cam” và nói kết quả phép trừ $5 - 3 = 2$.

3. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Bay đi... (hoặc đã uống hết) Còn...*

4. Cùng cố kiến thức mới:

- GV nêu một số tình huống khác. HS đặt phép trừ tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quả vào thanh gài.

- Cho HS tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép trừ (làm theo nhóm bàn).

Lưu ý: Ngoài việc dùng các chấm tròn, HS có thể dùng ngón tay, que tính hoặc đồ vật khác để hỗ trợ các em tính ra kết quả. Tùy theo đối tượng HS và điều kiện thực tế, GV có thể khuyến khích HS suy nghĩ, chẳng hạn: Để tìm kết quả phép tính, không dùng các chấm tròn mà hãy tưởng tượng trong đầu để tìm kết quả

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).

Bài 2. Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính).

Bài 3

- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ: Có 3 miếng bánh. Chú chuột ăn mất 1 miếng bánh. Hỏi còn lại mấy miếng bánh? Phép tính tương ứng là: $3 - 1 = 2$.

- GV khuyến khích HS tập kể chuyện theo mỗi phép tính để thành một câu chuyện.

HS *quan sát* tranh vẽ “chim bay” trong khung kiến thức.

HS nói: Có 6 con chim - Lấy ra 6 chấm tròn.

Có 4 con bay đi - Lấy đi 4 chấm tròn.

HS nói: $6 - 4 = 2$.

- HS đặt phép trừ tương ứng.

- HS thực hiện

Đôi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. Chia sẻ trước lớp.

- HS *quan sát* tranh,. Chia sẻ trước lớp.

HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.

D.Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. E.Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	-HS trình bày
--	---------------

Bài 26.

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kỹ năng làm tính trừ trong phạm vi 6.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính và các chấm tròn.
- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - GV hướng dẫn HS chơi trò chơi, chia sẻ trước lớp. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài. + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài. + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? . - GV chốt lại cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính. Gọi một vài cặp HS chia sẻ cách tính nhằm cho cả lớp nghe. Bài 2. Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép	HS thực hiện các hoạt động sau: + Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 6. + Chia sẻ: Cách trừ của mình; Để có thể tìm nhanh, chính xác kết quả phép tính cần lưu ý điều gì? - HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.

tính). Lưu ý: Ở bài này HS có thể tìm kết quả phép tính bằng nhiều cách khác nhau (có thể nhẩm, có thể dùng thanh chấm tròn, que tính, ngón tay,...), GV nên quan sát cách HS tìm ra kết quả phép tính hơn là chỉ chú ý đến kết quả của phép tính. Bài 3 - Cho HS tự làm bài 3: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ô có ghi số chỉ kết quả tương ứng. Lưu ý: Có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. Bài 4 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. <i>Vi dụ:</i> a) Trong bến có 6 xe ô tô. Có 3 xe ô tô rời khỏi bến. Còn bao nhiêu xe ô tô đang đậu trong bến? Thực hiện phép trừ $6 - 3 = 3$. Còn 3 xe ô tô đang đậu trong bến. Vậy phép tính thích hợp là $6 - 3 = 3$. GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày. C. Hoạt động vận dụng - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. D. Củng cố, dặn dò về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp. HS làm tương tự với trường hợp b).
---	--

Bài 27. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6 (tiếp theo)

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng trừ trong phạm vi 6*.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học :NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 6.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY

HOẠT ĐỘNG HỌC

A.Hoạt động khởi động - HDHS chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học.	- HS chơi trò chơi “Đố bạn”
B.Hoạt động hình thành kiến thức - HDHS thực hiện lần lượt các hoạt động sau: - Tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 6 chẳng hạn: $2 - 1 = 1$; $3 - 2 = 1$; $4 - 1 = 3$; $5 - 3 = 2$. - GV giới thiệu <i>Bảng trừ trong phạm vi 6</i> và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng. - HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ <i>Bảng trừ trong phạm vi 6</i>. - HS đưa ra <i>phép trừ</i> và đố nhau tìm <i>kết quả</i> - GV tổng kết C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài. - GV nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhằm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $4 - 1$; $5 - 1$; $6 - 6$, ... Bài 2 - HDHS tự làm bài 2: + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài. + Chọn các phép trừ có kết quả là 2. + Thảo luận với bạn, chia sẻ trước lớp. - GV chốt lại cách làm bài. Bài 3 - Bài 3: Căn cứ vào bảng trừ trong phạm vi 6, thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng ô ? , lí giải lí do lựa chọn bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. - GV chốt lại cách làm bài. Bài 4. GV hướng dẫn HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0. GV khuyến khích HS lấy thêm các ví dụ về phép trừ có kết quả là 0 và phép trừ cho số 0. Bài 5 - HD HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. HS là tương tự với các trường hợp còn lại. - GV nhận xét D.Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. E.Củng cố, dặn dò Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?	- HS thể hiện trên các thẻ phép tính -HS nhận xét -HS Đố vớ, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. -HS Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài. + Thảo luận với bạn, chia sẻ trước lớp. -Chia sẻ trước lớp. - HS cách thực hiện phép trừ hai số bằng nhau và phép trừ cho số 0 -HS Chia sẻ trước lớp. <i>Ví dụ:</i> Bạn trai tạo được 5 bong bóng. Có 1 bong bóng bị vỡ. Còn lại bao nhiêu bong bóng? Chọn phép trừ $5 - 1 = 4$. Còn lại 4 bong bóng. -HS thực hiện

về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

TUẦN 10

Bài 28. LUYỆN TẬP

1.MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 6.
 - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
 - Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 6.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động	HS chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 6 đã học. - HS thực hiện
B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đố bạn khác tìm kết quả và ngược lại. Bài 2 - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng <i>Bảng trừ trong phạm vi 6</i> để tính).	- HS thực hiện HS đối vở, đặt và trả lời các câu hỏi để kiểm tra kết quả các phép tính vừa thực hiện
Lưu ý: Bài này yêu cầu tính nhẩm rồi nêu kết quả. GV nhắc HS lưu ý những trường hợp xuất hiện số 0 trong phép trừ. GV cũng có thể nêu ra một vài phép tính trừ để HS củng cố kĩ năng hoặc HS tự nêu phép trừ rồi đố nhau tìm kết quả phép tính.	

Bài 3 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp vào mỗi ô dấu ? của từng phép tính tương ứng sao cho các phép tính trong mỗi ngôi nhà có kết quả bằng số ghi trên mái nhà. Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. GV chốt lại cách làm, gợi ý HS xem còn phép trừ nào cho kết quả bằng số ghi trên mái nhà nữa không. Bài 4. Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. <i>Ví dụ:</i> Trong lồng có 5 con chim. Có 1 con bay ra khỏi lồng. Còn lại bao nhiêu con chim? Chọn phép trừ $5 - 1 = 4$. Còn lại 4 con chim. Bài 5 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe mỗi tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. <i>Ví dụ:</i> Có 5 con vịt, 1 con đã lên bờ. Còn lại mấy con vịt dưới ao? Thực hiện phép trừ $5 - 1 = 4$. - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. C. Hoạt động vận dụng - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6. D. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- HS thực hiện - HS thực hiện - HS thực hiện Chia sẻ trước lớp. HS làm tương tự với các trường hợp còn lại.
---	---

Bài 29. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A.Hoạt động khởi động HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau (theo cặp hoặc nhóm bàn): <i>HD HS quan sát bức tranh trong SGK.</i> - HDHS Làm tương tự với các tình huống còn lại. - GV nhận xét B.Hoạt động hình thành kiến thức - HDHS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả phép trừ: $7-1=6$. Tương tự HS tìm kết quả các phép trừ còn lại: $7-2$; $8-1$; $9-6$. GV chốt lại cách tìm kết quả một phép trừ. Hoạt động cả lớp: GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác “trừ - bớt ” mà HS vừa thực hiện ở trên. Củng cố kiến thức mới: - GV nêu một số tình huống. - GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép trừ theo cách vừa học rồi gài kết quả vào thanh gài.phép trừ: $7-1=6$. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - HD HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài - GV có thể nêu ra một vài phép tính để HS củng cố kỹ năng. Bài 2 - Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài - GV nhận xét	-<i>Nói</i> với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép trừ, chẳng hạn: + Có 7 bạn, 1 bạn đã rời khỏi bàn. Còn lại bao nhiêu bạn? + Đếm rồi nói: Còn lại 6 bạn đang ngồi quanh bàn. -HS sử dụng các chấm tròn để tìm kết quả - HS đặt phép trừ tương ứng. -<i>HS</i> tự nêu tình huống tương tự rồi đổ nhau đưa ra phép trừ (làm theo nhóm bàn). - HS có thể dùng các chấm tròn hoặc thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính -<i>HS</i> có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính. -<i>Đổi</i> vợ, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện.

Bài 3 -HD HS quan sát tranh đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp., suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe về tình huống xảy ra trong tranh rồi <i>Ví dụ:</i> Có 9 mảnh gỗ cần sơn. Đã sơn được 7 mảnh. Hỏi còn lại mấy mảnh gỗ chưa sơn? Phép tính tương ứng là: $9 - 7 = 2$. - GV nhận xét D. Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì? HS có thể xem lại bức tranh khởi động trong sách nêu phép trừ tương ứng. -Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	-HS quan sát tranh đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp., suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe về tình huống xảy ra trong tranh rồi - HS trình bày
--	---

Bài 30. LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kỹ năng làm tính trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học.NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.
- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
---------------	---------------

A. Hoạt động khởi động

HS thực hiện các hoạt động sau:

Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 10.

- GV nhận xét

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

Cá nhân HS làm bài 1:

+ Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.

+ Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.

+ Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .

-GV nhận xét

Bài 2

-Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài

Đôi vớ, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện.

Bài 3

- Cá nhân HS tự làm bài 3:

a.Thực hiện các phép tính trừ để tìm kết quả, từ đó chỉ ra các phép tính sai. Cụ thể, các phép tính sai là: $10-5 = 4$; $10 - 4 = 7$; $7 - 2 = 9$.

b.Sửa các phép tính sai cho đúng: $10-5 = 5$; $10 - 4 = 6$; $7 - 2 = 5$.

Bài 4

- HD HS quan sát tranh

Ví dụ: a) Có 7 chiếc mũ bảo hiểm. Các bạn lấy ra 2 chiếc để đội. Còn lại mấy chiếc mũ bảo hiểm trên bàn?

HDHS làm tương tự với hai trường hợp b), c).

HDHS tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

C.Củng cố, dặn dò

Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

-HSChơi trò chơi “Truyền điện”

-HS chia sẻ: Cách thực hiện phép trừ của mình; Để có thể tính nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?

Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.

-HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng.

HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính

-HS thảo luận với bạn về cách làm bài rồi chia sẻ trước lớp.

-HS quan sát

Thực hiện phép trừ $7 - 2 = 5$. Còn 5 chiếc mũ bảo hiểm trên bàn. Vậy phép tính thích hợp là $7 - 2 = 5$.

-HS kể

-HS nêu

TUẦN 11

Bài 31. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 10.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A.Hoạt động khởi động Chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 10 đã học. B.Hoạt động hình thành kiến thức - Cho HS tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: $2-1 = 1$; $3-2=1$; $4-3 = 1$; $6-4 = 2$; $9-5 = 4$; Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau). - <i>Sắp xếp</i> các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng trừ trước mặt. - GV giới thiệu <i>Bảng trừ trong phạm vi 10</i> và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng. HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ <i>Bảng trừ trong phạm vi 10</i>. - GV tổng kết: Có thể nói: Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 1. Dòng thứ hai được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 2. Dòng thứ mười được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 10.	- HS thực hiện HS đưa ra <i>phép trừ</i> và đố nhau tìm <i>Kết quả</i> (làm theo nhóm bàn).

C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài. <i>Lưu ý:</i> Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng <i>Bảng trừ trong phạm vi 10 để tính nhẩm.</i> - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $9 - 1$; $7 - 2$; $8 - 8$; ... Bài 2 - Cho HS tự làm bài 2: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp; - GV chốt lại cách làm bài, có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng. Bài 3 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. + Tranh bên trái có 10 bạn đi bơi, 1 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: $10 - 1 = 9$. + Tranh bên phải có 9 bạn đi bơi, 2 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: $9 - 2 = 7$. - GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày D. Hoạt động vận dụng HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- Đôi vớ, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính. - Chia sẻ trước lớp - HS quan sát tranh,. Chia sẻ trước lớp -HS nêu, nhận xét
---	--

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.
- Rèn kĩ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học

II.CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đổ bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học. Bài 3. HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: $6 + 3 = 9$; $3 + 6 = 9$; $9 - 3 = 6$; $9 - 6 = 3$; ... Từ đó HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. Bài 4 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. <i>Ví dụ:</i> + Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn? Chọn phép cộng $5 + 3 = 8$ hoặc $3 + 5 = 8$. + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Chọn phép trừ $8 - 3 = 5$. + Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi. Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ? Chọn phép trừ $8 - 5 = 3$. - GV lưu ý HS về quan hệ cộng – trừ. Sử dụng quan hệ cộng - trừ để tính nhẩm thông qua các ví dụ đơn giản. B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính). - GV tổ chức thành trò chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính để bạn	- HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp. - HS thực hiện

khác tìm kết quả và ngược lại. Bài 2 - Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng <i>Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10</i> để tính). a)Ngâm giới thiệu “Tính chất giao hoán của phép cộng” thông qua các ví dụ cụ thể. b)Ngâm giới thiệu quan hệ cộng - trừ. Chia sẻ trước lớp. GV cũng có thể nêu thêm một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. D.Hoạt động vận dụng - Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10. E.Củng cố, dặn dò Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- HS thực hiện - HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau nhận xét về các phép tính trong từng cột: -HS nêu, nhận xét
--	---

Bài 33.

LUYỆN TẬP (2 tiết)

I.MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết các vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các thẻ số và phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dần tới phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động HS chia sẻ các tình huống có phép cộng hoặc trừ (trong phạm vi 10) trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10. B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: + Tìm các số phù hợp cho mỗi ô ? . + Củng cố nhận biết về quan hệ cộng - trừ. GV chốt lại cách làm bài; gọi một vài cặp HS	Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. - HS chia sẻ

chia sẻ cách làm cho cả lớp nghe.

Bài 2

- Cho HS làm bài 2: Dựa vào hình ảnh trực quan để tìm số phù hợp cho mỗi ô dấu ? (HS có thể dựa vào phép đếm hoặc dùng Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10 để tìm số thích hợp trong ô trống)

- Cho HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

GV cũng có thể nêu ra một vài phép tính tương tự để HS củng cố kỹ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đồ nhau tìm kết quả phép tính.

Bài 3. HS làm tương tự như bài 2: Quan sát hình vẽ, đếm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tìm số cúc áo còn thiếu rồi nêu số phù hợp cho mỗi ô ? . GV có thể tổ chức thành trò chơi vẽ thêm, gắn thêm số cúc áo thích hợp cho mỗi người tuyệt.

Bài 4

- Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ tìm số thích hợp trong ô ? rồi chia sẻ với bạn cách làm của mình. Lí giải cách quan sát để tìm số thích hợp.

Ví dụ: Có tất cả 6 chú voi. Có 2 chú voi đang căng băng rôn. Có bao nhiêu chú voi đứng ở sau băng rôn?

- GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

Bài 5. Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.

Ví dụ: Có 9 con gà. Có 3 con gà đang đứng ngoài lùm cây. Có bao nhiêu con gà đang nấp trong bụi cây?

C. Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 và làm quen với việc tìm một thành phần chưa biết của phép tính.

D. Củng cố, dặn dò

về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

- HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

- HS thực hiện

- HS quan sát tranh,. Chia sẻ trước lớp.

_ HS nêu, nhận xét

TUẦN 12

Bài 34. LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ (theo thứ tự từ trái sang phải) và không xét trường hợp có cả dấu phép tính cộng và dấu phép tính trừ.
- Củng cố kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10 và vận dụng vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các thẻ số và phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10. B.Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. Bài này yêu cầu HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng. - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. <i>Ví dụ:</i> Với câu a), HS nói: Rổ thứ nhất có 5 quả bí ngô. Rổ thứ hai có 2 quả. Anh Tuấn chở thêm đến 1 quả bí ngô nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả bí ngô? Ta có $5 + 2 + 1 = ?$ -- GV hướng dẫn HS cách tính $5 + 2 + 1 = ?$ - GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả bí ngô hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: $4 + 2 + 1$; $5 + 1 + 1$; $6 + 2 + 1$; $2 + 2 + 1$;... Lưu ý: Giai đoạn đầu khi HS mới làm quen với thực hiện tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng theo thứ tự từ trái sang phải, GV có thể cho phép HS viết kết quả ở bước trung gian. Sau này, khi HS đã biết cách tính, không nên viết kết quả trung gian nữa mà chỉ viết kết quả cuối cùng. Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. GV có thể đưa thêm một vài phép tính khác để HS thực hiện. Bài 2. Yêu cầu HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ. - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ	- HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi nêu cách giải quyết vấn đề. Chia sẻ trước lớp. -HS thực hiện từ trái sang phải $5 + 2 = 7$; $7 + 1 = 8$. - HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.

trước lớp.

Ví dụ: Với câu a), HS nói:

Có 8 quả mướp. Lần thứ nhất chị Lan hái 3 quả. Sau đó, chị Lan hái thêm 1 quả nữa. Hỏi còn lại bao nhiêu quả mướp?

-Ta có $8 - 3 - 1 = ?$

- GV hướng dẫn HS cách tính $8 - 3 - 1 = ?$

- GV thay đổi tình huống (thay đổi số lượng quả mướp hoặc thay tình huống khác) để HS củng cố cách tính, chẳng hạn: $7 - 3 - 1$; $8 - 1 - 1$; $8 - 3 - 2$; ...

Với câu b): HS thực hiện và nói với bạn cách tính của mình. GV có thể đưa thêm một vài phép tính khác để HS thực hiện.

Bài 3

- Trước hết HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng.

- Sau đó HS làm tính với trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ.

- Cho HS nói cách thực hiện trong từng hợp.

- Cho HS tự nêu thêm ví dụ tương tự để bạn thực hiện.

Bài 4. Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.

* Ở bức tranh thứ nhất:

Có 4 con chim ở tổp thứ nhất đang đậu trên cây. Có 3 con chim ở tổp thứ hai bay đến. Tiếp tục có 3 con chim ở tổp thứ ba bay đến. Hỏi có tất cả bao nhiêu con chim?

Ta có $4 + 3 + 3 = 10$. Vậy có tất cả 10 con chim.

* Ở bức tranh thứ hai:

Có 9 con vịt. Đầu tiên có 2 con bơi đi. Tiếp tục có 4 con bơi đi. Còn lại bao nhiêu con vịt đang ở trên bờ? Ta có $9 - 2 - 4 = 3$. Vậy còn lại 3 con vịt đang ở trên bờ.

C. Hoạt động vận dụng

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến việc thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc có liên tiếp 2 dấu phép tính trừ, hôm sau chia sẻ với các bạn.

-HS thực hiện từ trái sang phải: $8 - 3 = 5$; $5 - 1 = 4$.

- HS thực hiện

- HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.

--HS chia sẻ trước lớp

E.Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

Bài 35. LUYỆN TẬP CHUNG

I.MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Ôn tập tổng hợp về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

Các thẻ số và phép tính.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhằm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép cộng, trừ trong phạm vi 10.	
B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài.	- HS thực hiện Đổi vở, chấm chéo và đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng.
Bài 2 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. Vấn đề đặt ra là: Tìm hai số để khi cộng lại ta được kết quả là 8. Nghĩa là: Nếu chọn trước một số. Tìm số còn lại sao cho cộng hai số ta được kết quả là 8. <i>Ví dụ:</i> Nếu chọn số thứ nhất là 3 thì số còn lại là 5; nếu chọn số thứ nhất là 7 thì số còn lại phải là 1.	- Chia sẻ trong nhóm.
Bài 3 - Cho HS quan sát, suy nghĩ và lựa chọn số thích hợp cho mỗi ô trống của từng phép tính tương ứng, ví dụ: $6 + ? = 9$ thì $? = 3$ Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài. - Từ việc tìm được thành phần chưa biết của các phép tính cộng, trừ nêu trong bài, HS nhận biết sự liên hệ giữa các phép tính cho trong bài (quan hệ cộng - trừ). Ví dụ: $6 + 3 = 9$ thì $9 - 3 = 6$. - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.	HS dựa vào <i>phép đếm</i> hoặc dùng <i>Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10</i> để tìm số thích hợp trong mỗi ô trống.

Bài 4 - Cho HS thực hiện phép tính, rồi so sánh kết quả phép tính với số đã cho. - GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em. Bài 5 - Cho HS thực hành tính trong trường hợp có liên tiếp 2 dấu phép tính cộng hoặc trừ. Bài 6 - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ cách giải quyết vấn đề nêu lên qua bức tranh. <i>Ví dụ:</i> Bên trái có 6 quả su su. Bên phải có 3 quả su su. Có tất cả bao nhiêu quả su su? Thành lập các phép tính: $6 + 3 = 9$ hoặc $3 + 6 = 9$; $9 - 6 = 3$ hoặc $9 - 3 = 6$. D. Hoạt động vận dụng GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.	- HS thực hiện - Chia sẻ với bạn cách so sánh của mình, suy nghĩ tìm cách so sánh nhanh chóng, chính xác. - HS thực hành tính Đổi vở, chữa bài, kiểm tra kết quả các phép tính. Chia sẻ với bạn cách thực hiện tính. - Chia sẻ trong nhóm. --HS chia sẻ trước lớp
--	---

Bài 36. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kỹ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10, nhận biết thứ tự của mỗi số trong dãy số từ 0 đến 10.
- Củng cố kỹ năng về tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh như trong bài học.
- Một số tình huống thực tế.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động Chơi trò chơi “Đố bạn” ôn tập về các số trong phạm vi 10 phép cộng, phép trừ các số trong	

phạm vi 10. HS nêu yêu cầu, mời một bạn trả lời. Chẳng hạn: đếm từ 0 đến 7, đếm tiếp từ 6 đến 10,...; $3 + 5 = ?$,...

B. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- Cho HS thực hiện các phép tính.
 Đối vở, kiểm tra kết quả các phép tính đã thực hiện.

Bài 2. Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ. Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp.

Bài 3. HS quan sát hình vẽ, chỉ ra các đồ vật có dạng khối hộp chữ nhật, khối lập phương. Chia sẻ với bạn.

Bài 4

- Cho HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: $6 + 2 = 8$; $2 + 6 = 8$; $8 - 6 = 2$; $8 - 2 = 6$,... Từ đó, HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.

- GV chốt lại cách làm bài. GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

Bài 5- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.

+ Câu a): Có 2 bạn đang chơi bập bênh, có 3 bạn đang chơi xích đu, có 4 bạn đang chơi cầu trượt. Có tất cả bao nhiêu bạn đang chơi?

Thành lập phép tính: $2 + 3 + 4 = 9$.

+ Câu b): Tổ chim có 8 con chim, có 2 con chim bay đi, sau đó có tiếp 3 con chim bay đi. Hỏi còn lại mấy con chim?

Thành lập phép tính: $8 - 2 - 3 = 3$.

- GV khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em, HS có thể nêu tình huống và thiết lập phép tính theo thứ tự khác. Khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

C. Hoạt động vận dụng

GV khuyến khích HS liên hệ tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng hoặc trừ trong phạm vi 10.

D.Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
 - Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?

- HS thực hiện

- HS quan sát tranh vẽ, Chia sẻ trước lớp.

- HS thực hiện

- HS quan sát tranh, . Chia sẻ trước lớp.

-HS chia sẻ trước lớp

TUẦN 13

Bài 37.

EM VUI HỌC TOÁN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

- Hát và vận động theo nhịp, chơi trò chơi thông qua đó củng cố kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 10.
- Vẽ tranh biểu diễn phép cộng, phép trừ qua đó hiểu ý nghĩa phép cộng, phép trừ.
- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các hoạt động tạo hình.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bài hát.
- Bút màu, giấy vẽ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động 1. Cùng hát và giơ ngón tay biểu diễn phép tính a) Hát và vận động theo nhịp	HS hát và vận động theo nhịp của bài hát. Ví dụ: Khi hát “Một với một là hai” thì HS giơ 2 ngón tay (mỗi tay 1 ngón) để minh họa phép tính theo lời bài hát. b) Giơ ngón tay biểu diễn phép cộng, phép trừ HS thực hiện theo cặp: đọc phép tính, giơ ngón tay biểu diễn phép tính vừa đọc và ngược lại. - HS thực hiện
b. Hoạt động 2. Cùng nhau tạo hình - Cho HS thực hiện theo nhóm: Cùng nắm tay nhau tạo thành hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác. - Khuyến khích HS suy nghĩ thay đổi tư thế tìm các cách tạo hình sáng tạo.	
C. Hoạt động 3. Vẽ tranh rồi viết phép cộng, phép trừ thích hợp - Cho HS thực hiện theo nhóm: Vẽ tranh biểu diễn phép cộng, phép trừ rồi viết phép tính thích hợp với mỗi tình huống. - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em. - Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.	- HS thực hiện

- HS nói cảm xúc sau giờ học.
- HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.
- HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- V Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10; kĩ năng làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- V Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh tình huống như trong bài học.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhẩm trong phạm vi 10. B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. - Đếm số lượng các con vật, đọc số tương ứng. - Đếm và nói cho bạn nghe về số lượng các con vật vừa đếm được, chẳng hạn: HS chỉ vào hình vẽ thứ nhất đếm và nói: Có bảy con gà, viết số 7. Bài 2 a) Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở. Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. b) HS lấy các thẻ ghi số 5, 3, 9, 8. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn. Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 4 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên. Bài 3 - Cho HS tự làm: Tìm kết quả các phép cộng hoặc trừ nêu trong bài. Bài 4. - Cho HS quan sát từng hình vẽ, nói cho bạn nghe hình vẽ được tạo thành từ những hình nào đã được học. Có bao nhiêu	- HS thực hiện các thao tác: - HS thực hiện - HS thực hiện HS đổi vở, chấm chéo, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về kết quả các phép tính tương ứng.

-HS chia sẻ trước lớp

A. Hoạt động khởi động

- Quan sát tranh khởi động, đếm số lượng từng loại quả đựng trong các khay và nói, chẳng hạn: “Có 13 quả cam”; “Có 16 quả xoài”; ...

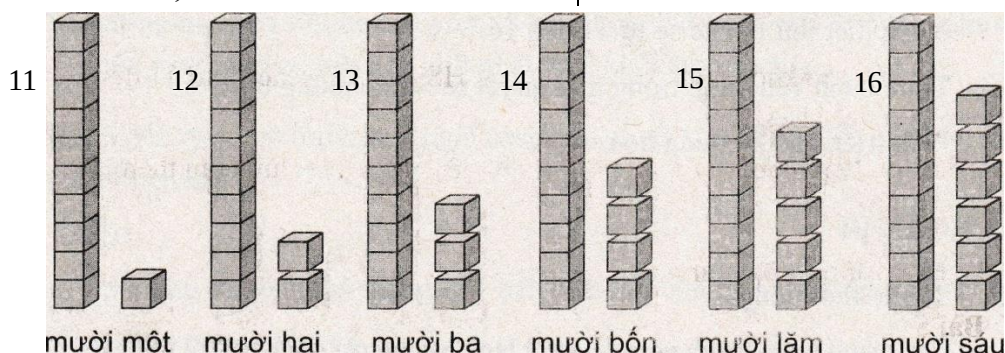
B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số 13 và 16 (như một thao tác mẫu về hình thành số)

- Cho HS đếm số quả cam trong giỏ, nói: “Có 13 quả cam”. HS đếm số khối lập phương, nói: “Có 13 khối lập phương”. GV gắn mô hình tương ứng lên bảng, hướng dẫn HS: Có 13 quả cam ta lấy tương ứng 13 khối lập phương (gồm 1 thanh và 3 khối lập phương rời). GV đọc “mười ba”, gắn thẻ chữ “mười ba”, viết “13”.

2. Hình thành các số từ 11 đến 16 (HS thực hành theo mẫu để hình thành số)

a) HS hoạt động theo nhóm bàn hình thành lần lượt các số từ 11 đến 16. Chẳng hạn: HS lấy ra 11 khối lập phương (gồm 1 thanh và 1 khối lập phương rời), đọc “mười một”, lấy thẻ chữ “mười một” và thẻ số “11”. Tiếp tục thực hiện với các số khác: HS đọc các số từ 11 đến 16, từ 16 về 11.



- GV lưu ý HS đọc “mười lăm” không đọc “mười năm”

b) Trò chơi: “Lấy đủ số lượng”

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1.

Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ? .

Bài 2.

- Dấu ? đếm số lượng các đối tượng, đặt thẻ số tương ứng vào ô?

HS thực hiện các hoạt động sau:

Chia sẻ trong nhóm học tập

- HS thực hiện

- Tương tự như trên, HS lấy ra 16 khối lập phương (gồm 1 thanh và 6 khối lập phương rời). Đọc “mười sáu”, gắn thẻ chữ “mười sáu”, viết “16”.

HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: GV đọc số 11 thì HS lấy ra đủ 11 que tính và lấy thẻ số 11 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

- HS thực hiện các thao tác: Đọc cho bạn nghe các số từ 10 đến 16.

- HS thực hiện các thao tác:

- Nói cho bạn nghe kết quả, chẳng hạn:

lập phương”. GV gắn mô hình tương ứng lên bảng, hướng dẫn HS: Có 18 cây su hào ta *lấy* tương ứng 18 khối lập phương (gồm 1 thanh và 8 khối lập phương rời). GV *đọc* “mười tám”, *gắn* thẻ chữ “mười tám”, *viết* “18”.

- Tương tự như trên, HS hoạt động theo nhóm bàn hình thành lần lượt các số từ 17 đến 20, chẳng hạn: HS *lấy ra* 17 khối lập phương (gồm 1 thanh và 7 khối lập phương rời), *đọc* “mười bảy”, *gắn* thẻ chữ “mười bảy”, viết “17”; ...

2.Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

- Cho HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: GV đọc số 17, HS lấy ra đủ 17 que tính, lấy thẻ số 17 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1.

- Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ?

Bài 2.

- Đếm số lượng các đối tượng, đặt thẻ số tương ứng vào ô ?

Bài 3. Cho HS đọc rồi viết số tương ứng vào vở. Chẳng hạn: đọc “mười chín”, viết “19”. GV tổ chức cho HS chơi “Ghép thẻ” theo cặp:

Lưu ý: GV hướng dẫn HS xếp các thẻ số theo thứ tự từ 11 đến 20 và đọc các số theo thứ tự.

Bài 4

- Cho HS đặt các thẻ số thích hợp vào bông hoa có dấu “?”.

- Cho HS *đếm tiếp* từ 11 đến 20 và *đếm lùi* từ 20 về 11. GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 11 đến 20, yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ một số bất kì đến số đó; từ số đó đếm thêm 1, thêm 2,..., hoặc từ số đó đếm bớt 1, bớt 2,...

D.Hoạt động vận dụng

Bài 5

- Cho HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số lượng các bạn nhỏ trong bức tranh.

- GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về bức tranh. Chẳng hạn: Có bao nhiêu bạn nam? Có bao nhiêu bạn nữ? Có mấy bạn quàng khăn? ...

E.Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Em thích nhất hoạt động nào?

- HS hoạt động theo nhóm bàn

- HS thực hiện

- HS thực hiện các thao tác:

- Đọc cho bạn nghe các số từ 16 đến 20.

- HS thực hiện các thao tác:

- Nói cho bạn nghe kết quả, chẳng hạn: Có 17 quả bóng đá nên đặt thẻ số “17” vào ô ? bên cạnh.

- HS thực hiện HS ghép từng cặp thẻ số và thẻ chữ, chẳng hạn ghép thẻ số “19” với thẻ chữ “mười chín”.

- HS thực hiện

- Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.

- Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số 11 đến 20 được sử dụng vào các tình huống nào.

Bài 41.

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng đếm, đọc, viết các số từ 11 đến 20.
- Nhận biết thứ tự các số từ 11 đến 20.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và các khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.
- Các thẻ số từ 10 đến 20 và các thẻ chữ: *mười*, *hai mươi*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

[illegible]

C. Hoạt động vận dụng Bài 5 - Cho HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số lượng mỗi loại cây trong bức tranh. - GV khuyến khích HS quan sát tranh, đặt câu hỏi và trả lời theo cặp về bức tranh. Chẳng hạn: HS chỉ vào một giá cây rồi hỏi: “Trên giá này, có tất cả bao nhiêu cây?”. D. củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày? - Đếm đếm chính xác em nhận được điều gì?	- Chia sẻ trước lớp. Các HS khác lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.
--	--

Bài 41. CÁC SỐ 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90

1. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm số lượng bằng cách tạo mười.
- Đọc, viết các số 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL mô hình hóa toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rồi ghép lại) và các khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và các que tính rời để đếm.
- Các thẻ số 10, 20, ..., 90 và các thẻ chữ: *mười, hai mươi, chín mươi*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động HS thực hiện các hoạt động sau: - <i>Quan sát tranh khởi động.</i> - GV nhận xét, hướng dẫn HS cách đếm số khối lập phương theo cách gạt ra từng nhóm 10 khối lập phương rồi đếm. B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. GV hướng dẫn HS đếm 10, 20, 30 khối lập phương (như một thao tác mẫu) - GV lấy 10 khối lập phương (hoặc que tính), HS đếm và nói kết quả: “Có 10 khối lập phương”. GV thực hiện thao tác xếp 10 khối lập phương thành 1 thanh; nói: “mười”; gắn thẻ chữ “mười”, thẻ số “10”. - GV lấy 20 khối lập phương (hoặc que tính), HS đếm và nói kết quả: “Có 20 khối lập phương”. GV thực hiện thao tác xếp 10 khối lập phương thành 1 thanh, 20 khối lập phương thành 2 thanh, mỗi thanh 10 khối lập phương; chỉ vào từng thanh đếm: “mười, hai	- Suy nghĩ thảo luận theo bàn: Có cách nào đếm số khối lập phương dễ dàng và ít nhầm lẫn không? - Chia sẻ trước lớp. - Theo dõi - HS theo dõi

nào cho dễ dàng và chính xác.	
• - về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số 10 đến 90 được sử dụng trong các tình huống nào.	

TUẦN 15

Bài 43. CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (từ 21 đến 40)

I. MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Đếm, đọc, viết các số từ 21 đến 40.
 - Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
 - Phát triển các NL toán học: NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rời ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và que tính rời để đếm.
- Các thẻ số từ 21 đến 40 và các thẻ chữ: *hai mươi một, hai mươi hai, ..., I bốn mươi.*

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - Cho HS thực hiện các hoạt động sau: - Quan sát tranh khởi động, đếm số lượng đồ chơi có trong tranh và nói, chẳng hạn: “Có 23 búp bê”, ... - GV đặt câu hỏi để HS nói cách đếm: Có thể đếm từ 1 đến 23 và đếm như sau: mười, hai mươi, hai mươi một, hai mươi hai, hai mươi ba. Có hai mươi ba búp bê. B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Hình thành các số từ 21 đến 40 a) GV hướng dẫn HS thao tác mẫu: - GV lấy 23 khối lập phương rời, HS đếm và nói: “Có 23 khối lập phương”, GV thao tác cứ 10 khối lập phương xếp thành một “thanh mười”. Đem các thanh mười và khối lập phương rời: mười, hai mươi, hai mươi một, hai mươi hai, hai mươi ba. Có tất cả hai mươi ba khối lập phương; hai mươi ba viết là “23 ”. - Tương tự thực hiện với số 21, 32, 37. b) - Cho HS thao tác, đếm đọc viết các số từ 21 đến 40. - Cho HS thực hiện theo nhóm bàn. Tương tự như trên, HS đếm số khối lập phương, đọc số. viết số. GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số. Cả lớp thực hiện đủ	- Chia sẻ trong nhóm học tập - Đại diện HS nói kết quả trước lớp, nói cách đếm để các bạn nhận xét. - Theo dõi - HS thao tác, đếm đọc viết các số - HS thực hiện theo nhóm bàn.

các số từ 21 đến 40. Chẳng hạn, đếm số khối lập phương sau, đọc và viết số thích hợp: Bài 1. HS thực hiện các thao tác: - Đếm số lượng các khối lập phương, đặt các thẻ số tương ứng vào ô ? . Bài 2. - Viết các số vào vở. Đọc các số vừa viết. - Đổi vở để kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại nếu có. Bài 3 - Cho HS đếm, tìm số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả. - Cho HS đọc các số từ 1 đến 40. GV đánh dấu một số bất kì trong các số từ 1 đến 40, yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ một số bất kì đến số đó - GV che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã bị che, chẳng hạn: che các số 10, 20, 30, 40 hoặc 11,21, 31 hoặc 5, 10, 15, 20,25, 30, 35,40 hoặc 4,14,24, 34. Từ đó, nhắc HS chú ý cách đọc “mười” hay “mười”; “một” hay “mốt”, “năm” hay “lăm”; “bốn” hay “tư”. D. Hoạt động vận dụng Bài 4 - Cho HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe trên sân có bao nhiêu cầu thủ, mỗi đội bóng có bao nhiêu cầu thủ. GV khuyến khích HS quan sát tranh, kể chuyện theo tình huống bức tranh. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày? - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì? - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào.	- Đọc cho bạn nghe các số vừa đặt. - HS thực hiện các thao tác: - HS đọc các số từ 1 đến 40. - HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe Chia sẻ trước lớp. - HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.
--	--

Bài 44.

CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (từ 41 đến 70)

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số từ 41 đến 70.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học :NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương ghép lại) và khối lập phương rời hoặc các thẻ chục que tính và que tính rời để đếm.
- Các thẻ số và thẻ chữ từ 41 đến 70 và các thẻ chữ: *bốn mươi mốt, bốn mươi hai,..., bảy mươi.*

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
---------------	---------------

A. Hoạt động khởi động

1. HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” như sau:

- Chia lớp thành nhiều nhóm 4-6 HS, chỉ rõ: “Nhóm dùng các khối lập phương”, “Nhóm dùng các ngón tay”, “Nhóm viết số”.
- GV đọc một số từ 1 đến 40. các chữ số để viết số đã đọc.

Sau mỗi lần chơi các nhiệm vụ lại đổi luân phiên giữa các nhóm.

2. Cho HS *quan sát tranh, đếm* số lượng khối lập phương có trong tranh và *nói*: “Có 46 khối lập phương”, ... Chia sẻ trước lớp kết quả và nói cách đếm.

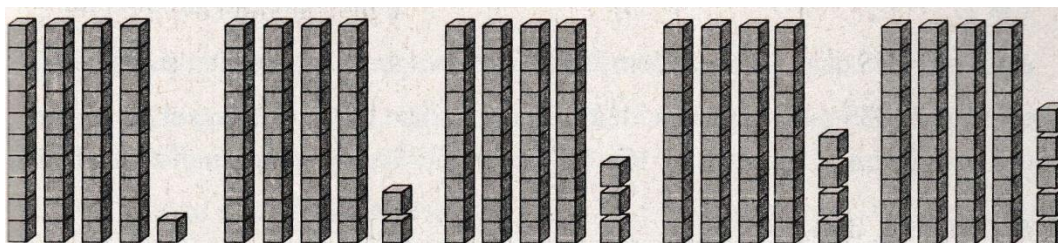
B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Hình thành các số từ 41 đến 70

a. GV hướng dẫn HS thao tác mẫu:

- GV lấy 4 thanh và 6 khối lập phương rời, HS đếm và nói: “Có 46 khối lập phương, *bốn mươi sáu* viết là 46.”
- Tương tự với các số 51, 54, 65.

b. HS thao tác đếm, đọc, viết các số từ 41 đến 70. HS thực hiện theo nhóm 4 hoặc theo nhóm bàn. Tương tự như trên, HS đếm số khối lập phương, đọc số, viết số. GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số. Cả lớp thực hiện đủ các số từ 41 đến 70. Chẳng hạn, đếm số khối lập phương sau, đọc và viết số thích hợp:



b) GV nhắc HS cách đọc số chú ý biến âm “mốt”, “tư”, “lăm”. Chẳng hạn:

- + GV gắn các thẻ số 11, 21, 31, 41, 51, 61. HS đọc.
- + GV gắn các thẻ số 14, 24, 34, 44, 54, 64. HS đọc.
- + GV gắn các thẻ số 15, 25, 35, 45, 55, 65. HS đọc.

2. Trò chơi “Lấy đủ số lượng”

- Cho HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 45 que tính, lấy thẻ số 45 đặt cạnh

Nhóm dùng các khối lập phương giờ số khối lập phương tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm dùng các ngón tay* phải giờ đủ số ngón tay tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm viết số* dùng

- HS *quan sát tranh, đếm* số lượng. Chia sẻ trước lớp kết quả và nói cách đếm.

- HS báo cáo kết quả theo nhóm. Cả lớp đọc các số từ 41 đến 70.

- HS thực hiện

những que tính vừa lấy. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. - Viết các số vào vở. Đọc các số vừa viết. - Đổi vở kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại. Bài 2. - Đếm, tìm số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả. - Đọc các số từ 41 đến 70. GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 41 đến 70 yêu cầu HS đếm từ 1 đến số đó hoặc từ một số bất kì đến số đó. - GV có thể che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã bị che, I chẳng hạn: che các số 50, 60, 70 hoặc 41, 51, 61 hoặc 45, 50, 55, 60, 65, 70 hoặc 44, 54, 64. Từ đó, nhắc HS chú ý cách đọc “mười” hay “mươi”; “một” hay “mốt”, “năm” hay “lăm”; “bốn” hay “tư”. Che các số 39, 40; 49, 50; 59, 60; 69, 70 yêu cầu HS đọc. D. Hoạt động vận dụng Bài 3 a) Cho HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe: Có bao nhiêu quả dâu tây? b) Cho HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe các công chúa có bao nhiêu viên ngọc trai. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hàng ngày? - Đề đếm chính xác em nhắn bạn điều gì? - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào.	HS thực hiện các thao tác: HS thực hiện các thao tác: - HS thực hiện Chia sẻ trước lớp. HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn
---	---

Bài 45. CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ (từ 71 đến 99)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đếm, đọc, viết các số từ 71 đến 99.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

II. CHUẨN BỊ

- Các thanh (mỗi thanh gồm 10 khối lập phương rồi ghép lại) và khối lập phương rồi hoặc các thẻ chục que tính và que tính rồi để đếm.
- Các thẻ số từ 71 đến 99.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
---------------	---------------

A.Hoạt động khởi động

1.Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” như sau:

- Chia lớp thành nhiều nhóm 4-6 HS, chỉ rõ: “*Nhóm dùng các khối lập phương*”, “*Nhóm dùng hình vẽ*”, “*Nhóm viết số*”

- GV đọc một số từ 41 đến 70. *Nhóm dùng các khối lập phương* giơ số khối lập phương tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm dùng hình vẽ*, vẽ đủ số hình tương ứng với số GV đã đọc. *Nhóm viết số* dùng các chữ số để viết số GV đã đọc.

2 – Cho HS *quan sát tranh, đếm số lượng* khối lập phương có trong tranh và nói: “Có 73 khối lập phương”,

A.Hoạt động hình thành kiến thức

1.Hình thành các số từ 71 đến 99

- Cho HS thực hiện theo nhóm 4 hoặc theo nhóm bàn. Tương tự như những bài trước, HS đếm số khối lập phương, đọc số, viết số. GV phân công nhiệm vụ cho các nhóm sao cho mỗi nhóm thực hiện với 5 số

- HS báo cáo kết quả theo nhóm.

Cả lớp đọc các số từ 71 đến 99.

GV nhắc HS cách đọc số chú ý biến âm “mốt”, “tư”, “lăm”

Chẳng hạn:

+ GV gắn các thẻ số 11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91.

+ GV gắn các thẻ số 14, 24, 34, 44, 54, 64, 74, 84, 94.

+ GV gắn các thẻ số 15, 25, 35, 45, 55, 65, 75, 85, 95.

2.Trò chơi: “*Lấy đủ số lượng*”

- Cho HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 75 que tính, lấy thẻ số 75 đặt cạnh những que tính vừa lấy.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1 HS thực hiện các thao tác:

Viết các số vào vở.

- Đối vở kiểm tra, tìm lỗi sai và cùng nhau sửa lại

Bài 2.

Đếm, tìm số còn thiếu trong tổ ong rồi nói cho bạn nghe kết quả.

Đọc các số từ 71 đến 99. GV có thể đánh dấu một số bất kì trong các số từ 71 đến 99, yêu cầu HS đếm từ một số bất kì đến số đó, đếm tiếp, đếm lùi, đếm thêm từ số đó.

GV có thể che đi một vài số rồi yêu cầu HS chỉ đọc các số đã bị che, chẳng hạn: che các số 71, 81, 91 hoặc 74, 84, 94 hoặc 69, 70; 79, 80; 89, 90;

- HS chơi trò chơi

Sau mỗi lần chơi các nhiệm vụ lại đổi luân phiên giữa các nhóm.

- HS quan sát tranh... Chia sẻ trước lớp kết quả và nói cách đếm.

- Cả lớp thực hiện đủ các số từ 71 đến 99.

- HS báo cáo kết quả theo nhóm.

HS đọc.

HS đọc.

HS đọc.

- HS thực hiện

HS thực hiện các thao tác:

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3

- Cho HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe số quả chanh, số chiếc ấm.

- HS quan sát tranh, đếm và nói cho bạn nghe HS lắng nghe và nhận xét cách đếm của bạn.

E. Cùng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
- Để đếm chính xác em nhớ bạn điều gì?
- Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống các số đã học được sử dụng trong các tình huống nào.

TUẦN 16

Bài 46. CAC SỐ ĐẾN 100

IMỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Nhận biết số 100 dựa trên việc đếm tiếp hoặc đếm theo nhóm mười.
- Đếm, đọc, viết số đến 100; Nhận biết được bảng các số từ 1 đến 100.
- Phát triển các NL toán học NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Các phiếu in bảng các số từ 1 đến 100 như bài 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động	- HS quan sát tranh khởi động, đếm tiếp đến 100 từ một số bất kì, chẳng hạn: 81; 82; ,...;99; 100; 90; 91; ,...;99; 100; 87; 88; ,...; 99; 100;
B. Hoạt động hình thành kiến thức - GV gắn băng giấy lên bảng (đã che số 100), HS đếm theo các số trong băng giấy:	- Theo dõi - HS nhận biết số 100 bằng cách đếm tiếp. GV cầm thẻ số 100 gắn vào ô trống rồi chỉ vào số 100, giới thiệu số 100, cách đọc và cách viết. - HS viết “100”, đọc “một trăm” (hoặc gài thẻ số 100).
C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. Mục tiêu là nhận biết Bảng các số từ 1 đến 100 - GV đặt câu hỏi để HS nhận ra một số đặc điểm của Bảng các số từ 1 đến 100, chẳng hạn: + Bảng này có bao nhiêu số?	- HS đọc các số còn thiếu ở mỗi ô ? (HS nên điền vào phiếu, tự tạo lập bảng các số từ 1 đến 100 của mình để sử dụng về sau). GV chữa bài và giới thiệu: “Đây là Bảng các số từ 1 đến 100”.

+ Nhận xét các số ở hàng ngang. Nhận xét các số ở hàng dọc + Nếu che đi một hàng (hoặc một cột), hãy đọc các số ở hàng (cột) đó. - GV chỉ vào Bảng các số từ 1 đến 100 giới thiệu các số từ 0 đến 9 là các số có một chữ số; các số từ 10 đến 99 là các số có hai chữ số. - GV hướng dẫn HS nhận xét một cách trực quan về vị trí “đứng trước”, “đứng sau” của mỗi số trong Bảng các số từ 1 đến 100. Bài 2. - Đọc số hoặc đặt thẻ số thích hợp vào mỗi ô ghi dấu “?”. Bài 3. D. Hoạt động vận dụng - Trong cuộc sống, em thấy người ta dùng số 100 trong những lĩnh vực nào? - GV khuyến khích HS biết ước lượng số lượng trong cuộc sống. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em đã biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Các em đã nhìn thấy số 100 ở những đâu?	- HS tự đặt câu hỏi cho nhau về Bảng các số từ 1 đến 100 - HS thực hiện các thao tác: - Đọc cho bạn nghe kết quả và chia sẻ cách làm. HS thực hiện các thao tác: - Quan sát mẫu: Bạn voi muốn đem xem có tất cả bao nhiêu chiếc chìa khoá, bạn voi có cách đếm thông minh: 10, 20, ..., 90, 100. - HS cùng đếm 10, 20, ..., 100 rồi trả lời: “Có 100 chiếc chìa khoá”. - HS thực hiện tương tự với tranh cà rốt và tranh quả trứng rồi chia sẻ với bạn cùng bàn. - HS có cảm nhận về số lượng 100 thông qua hoạt động lấy ra 100 que tính (10 bó que tính 1 chục).
---	---

Bài 47.

CHỤC VÀ ĐƠN VỊ

I. MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Biết 1 chục bằng 10 đơn vị.
- Biết đọc, viết các số tròn chục.
- Bước đầu nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL mô hình hoá toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo

II. CHUẨN BỊ

- 10 khối lập phương, 10 que tính, 10 hình tròn.
- Các thanh 10 khối lập phương hoặc bó 10 que tính.

-Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - HDHS quan sát tranh nói cho bạn nghe bức tranh về gì? Hai bạn trong tranh đang làm gì? Nói gì? GV nhận xét dẫn dắt vào bài. B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Nhận biết 1 chục (qua thao tác trực quan) - Ghép 10 khối lập phương thành 1 thanh. Nói: “Có 10 khối lập phương, có 1 chục khối lập phương”. - Bó 10 que tính thành 1 bó. Nói: “Có 10 que tính, có 1 chục que tính”. - Xếp 10 hình tròn thành một cụm. Nói: “Có 10 hình tròn, có 1 chục hình tròn”. b) HS nêu các ví dụ về “1 chục”. Chẳng hạn: Có 10 quả trứng, có 1 chục quả trứng. 2. Nhận biết các số tròn chục - GV lấy 10 khối lập phương rồi, xếp lại thành 1 thanh. Cho HS đếm và nói: Có 10 khối lập phương, có 1 chục khối lập phương. HS đọc: mười - một chục. - GV lấy 20 khối lập phương rồi, xếp lại thành 2 thanh. - Thực hiện tương tự với các số 30, ..., 90. - GV giới thiệu cho HS: Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục. 3. Trò chơi “Lấy đủ số lượng” - Cho HS lấy ra đủ số khối lập phương, số que tính, ... theo yêu cầu của GV hoặc của bạn. Chẳng hạn: Lấy ra đủ 3 chục que tính, lấy thẻ số 30 đặt cạnh những que tính vừa lấy. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. - Đem số que tính, đọc kết quả cho bạn nghe. Chẳng hạn: Có 60 que tính, có 6 chục que tính. - GV có thể đưa thêm một số ví dụ khác để HS thực hành. - Khi chữa bài, GV đặt câu hỏi để HS nói cách làm của mình. Quan sát và lắng nghe cách đếm của HS. Tương tự cách đếm bát: Có 8 chục cái bát. Bài 2. – Cho HS quan sát băng giấy để tìm quy luật của các số ghi trên băng giấy. Đọc các số còn thiếu. Nhấn mạnh: Các số 10, 20, ..., 90 là các số tròn chục. Bài 3 - HS chơi trò chơi theo nhóm. Mỗi bạn lấy ra vài	- HS quan sát tranh nói cho bạn nghe - HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn: - HS đếm và nói: Có 10 khối lập phương, có 1 chục khối lập phương. HS đọc: mười - một chục. - HS đếm và nói: Có 20 khối lập phương, có 2 chục khối lập phương. HS đọc: hai mươi - hai chục. Z - HS thực hiện các thao tác: - HS thực hiện các thao tác: - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm

chục đồ vật và nói số lượng. Chẳng hạn: Có 2 chục khối lập phương, có 1 chục bút màu, có 3 chục que tính, ...

Bài 4. GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu:

- GV lấy 32 khối lập phương (gồm 3 thanh và 2 khối lập phương rời).
- GV đặt câu hỏi để HS trả lời, trong hình có 3 chục khối lập phương và 2 khối lập phương rời.
- GV nhận xét: Như vậy, trong số 32, số 3 cho ta biết có 3 chục khối lập phương, số 2 cho ta biết có 2 khối lập phương rời. Ta có thể viết như sau:

Chục Đơn vị

3 2

- Nói: Số 32 gồm 3 chục và 2 đơn vị.

Thực hiện tương tự, chẳng hạn câu a):

- Quan sát tranh, nói: Có 24 khối lập phương.
- Viết vào bảng (đã kẻ sẵn ô trên bảng con hoặc bảng lớp).

Chục Đơn vị

2 4

- Nói: Số 24 gồm 2 chục và 4 đơn vị.

Bài 5

- a) Số 12 gồm 1 chục và 2 đơn vị.
- b) Số 49 gồm 4 chục và 9 đơn vị.
- c) Số 80 gồm 8 chục và 0 đơn vị.
- d) Số 66 gồm 6 chục và 6 đơn vị.

D. Hoạt động vận dụng

Bài 6

- GV yêu cầu HS thử ước lượng và đoán nhanh xem mỗi chuỗi vòng có bao nhiêu hạt?

- GV cho HS thấy rằng trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng đếm chính xác ngay được kết quả, có thể trong một số trường hợp phải ước lượng để có thông tin ban đầu nhanh chóng.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?
- Từ ngữ toán học nào em cần nhớ?
 - Để đếm chính xác em nhắn bạn điều gì?
 - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “chục” không? Sử dụng trong các tình huống nào?

khác đặt câu hỏi cho nhóm trình bày.

Chẳng hạn: 3 chục que tính là bao nhiêu que tính? Bằng cách nào bạn lấy đủ 3 chục que tính?

- HS đem số khối lập phương. Nói: Có ba mươi hai khối lập phương, viết “32”.

- HS trả lời

- Theo dõi

- HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả:

- HS đặt câu hỏi với các số khác để đố bạn, chẳng hạn: số 72 gồm mấy chục và mấy đơn vị?

- HS đoán và giải thích tại sao lại đoán được số đó.

- HS đếm để kiểm tra dự đoán, nói kết quả trước lớp. HS nói các cách đếm khác nhau nếu có.

Bài 48. LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hành nhận biết cấu tạo số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

Bảng chục - đơn vị đã kẻ sẵn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC				
A. Hoạt động khởi động - Cho HS chơi trò chơi “Bắn tên”, như sau: - Chủ trò nói: “Bắn tên, bắn tên”. - Cả lớp hỏi: “Tên gì, tên gì?” - Chủ trò nói: “Số ba mươi lăm”, mời bạn Lan. - Bạn Lan nói: “Số 35 gồm 3 chục và 5 đơn vị”. - Quá trình chơi cứ tiếp tục như vậy. B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS thực hiện các thao tác sau rồi nói cho bạn nghe, chẳng hạn, tranh a): + Quan sát, nói: Có 41 khối lập phương. + Viết vào bảng chục - đơn vị (đã kẻ sẵn ô trên bảng con hoặc bảng lớp). <table border="1"><tr><td>Chục</td><td>Đơn vị</td></tr><tr><td>4</td><td>1</td></tr></table> + Nói: Số 41 gồm 4 chục và 1 đơn vị. - Làm tương tự với các câu b), c), d). Bài 2 - Cho HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: a) Số 27 gồm 2 chục và 7 đơn vị. b) Số 63 gồm 6 chục và 3 đơn vị. c) Số 90 gồm 9 chục và 0 đơn vị. Bài 3. HS chơi trò chơi “Tìm số thích hợp” theo cặp hoặc theo nhóm: - Đặt lên bàn các thẻ ghi số. Quan sát các tấm thẻ ghi. - Quan sát các thẻ, ngầm chọn ra một số, đặt câu hỏi để bạn tìm đúng thẻ ghi số đó, chẳng hạn: số nào gồm 5 chục và 1 đơn vị. Bài 4. - Viết số thích hợp vào mỗi ô ? trong bảng rồi	Chục	Đơn vị	4	1	- HS chơi trò chơi - HS thực hiện - HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: - HS đặt câu hỏi để đồ bạn với các số khác, chẳng hạn: số 82 gồm mấy chục và mấy đơn vị? - HS nhặt thẻ số 51, nói: số 51 gồm 5 chục và 1 đơn vị. - HS thực hiện theo cặp hoặc theo
Chục	Đơn vị				
4	1				

đọc số đó. - Chỉ vào số vừa viết nói cho bạn nghe, chẳng hạn: số có 1 chục và 3 đơn vị là số 13 hoặc số 13 gồm 1 chục và 3 đơn vị. C. Hoạt động vận dụng Bài 5. - Cho HS dự đoán xem có bao nhiêu quả chuối và đếm kiểm tra. Chia sẻ kết quả với bạn. D. củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày? - Từ ngữ toán học nào em cần nhớ? - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống mọi người có dùng “chục” và “đơn vị” không. Sử dụng trong các tình huống nào.	nhóm: - HS thực hiện các thao tác: - HS thực hiện tương tự với quả xoài, quả thanh long, quả lê. -HSTL
---	---

TUẦN 17

Bài 49. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tiễn.
- Phát triển các NL toán học: NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

II.CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động.
- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Các băng giấy đã chia ô vuông và ghi số như ở bài 1, 2, 3.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC																														
A. Hoạt động khởi động - Cho HS <i>quan sát</i> tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh. Chia sẻ theo cặp đôi những thông tin quan sát được (Theo em các bạn trong bức tranh đang làm gì? Nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình). - GV chiếu <i>Bảng các số từ 1 đến 100</i> và giới thiệu bài B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. So sánh các số trong phạm vi 30 a) GV hướng dẫn HS cắt hai băng giấy ở <i>Bảng các số từ 1 đến 100</i>, ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn các băng giấy lên bảng như sau: <table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td>13</td><td>14</td><td>15</td><td>16</td><td>17</td><td>18</td><td>19</td><td>20</td><td>21</td><td>22</td><td>23</td><td>24</td><td>25</td><td>26</td><td>27</td><td>28</td><td>29</td><td>30</td></tr></table> b) Cho HS thực hiện lần lượt các thao tác (tô, nhận	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	- HS <i>quan sát</i> tranh khởi động, nhận biết bối cảnh bức tranh. Chia sẻ theo cặp đôi những thông tin quan sát được - HS thực hiện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		

xét, nói, viết);

+ Tô màu vào hai số trong phạm vi 10. Chẳng hạn: tô màu hai số 3 và 8.

+ Quan sát, nhận xét. 3 đứng trước 8; 8 đứng sau 3.

+ Nói: 3 bé hơn 8; 8 lớn hơn 3.

+ Viết: $3 < 8$; $8 > 3$.

GV chốt: 3 bé hơn 8; $3 < 8$.

8 lớn hơn 3; $8 > 3$.

c) GV hướng dẫn HS tô màu vào hai số 14 và 17 và so sánh tương tự như trên:

14 đứng trước 17; 14 bé hơn 17; $14 < 17$.

17 đứng sau 14; 17 lớn hơn 14; $17 > 14$.

c) GV hướng dẫn HS cắt thêm băng giấy thứ ba, rồi yêu cầu HS tô màu vào hai số 18 và 21 và so sánh tương tự như trên:

18 đứng trước 21; 18 bé hơn 21; $18 < 21$.

21 đứng sau 18; 21 lớn hơn 18; $21 > 18$.

1. So sánh các số trong phạm vi 60

Thực hiện tương tự như so sánh các số trong phạm vi 30:

- GV hướng dẫn HS cắt tiếp ba băng giấy tiếp theo ở *Bảng các số từ 1 đến 100*, ghép thành một băng giấy đặt trước mặt. GV gắn băng giấy lên bảng:

- GV chọn hai số, chẳng hạn 36 và 42, yêu cầu HS so sánh.

- Cho HS nhận xét:

36 đứng trước 42; 36 bé hơn 42; $36 < 42$.

42 đứng sau 36; 42 lớn hơn 36; $42 > 36$

2. So sánh các số trong phạm vi 100

Thực hiện tương tự như so sánh các số trong phạm vi 60:

- GV gắn phần còn lại trong bảng các số đến 100 lên bảng (có thể không cần cắt rời)

61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

- GV khoanh tròn vào hai số, chẳng hạn 62 và 67, yêu cầu HS so sánh.

- HS thực hiện

- HS thực hiện

- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.

- HS so sánh

- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào phiếu học tập.

- HS nhận xét:

62 đứng trước 67; 62 bé hơn 67; $62 < 67$.

67 đứng sau 62; 67 lớn hơn 62; $67 > 62$.

- HS chọn hai số khác và so sánh tương tự như trên, viết kết quả vào

C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS thực hiện các thao tác: a) Điền số còn thiếu vào băng giấy. b) So sánh các số theo các bước sau: Bài 2. Làm tương tự như bài 1. Bài 3. Làm tương tự như bài 1. D. Hoạt động vận dụng Bài 4 - Cho HS Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh, đếm số bông hoa mỗi bạn đang cầm, thảo luận với bạn xem ai có nhiều bông hoa nhất, ai có ít bông hoa nhất, giải thích. - GV gợi ý để HS nêu tên các bạn có số bông hoa theo thứ tự từ ít nhất đến nhiều nhất. - GV chữa bài, khuyến khích HS nêu tình huống so sánh số lượng các đồ vật trong cuộc sống. E. Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Về nhà, em hãy quan sát xem trong cuộc sống việc so sánh các số trong phạm vi 100 được sử dụng trong các tình huống nào.	phiếu học tập. - HS thực hiện + Đọc yêu cầu: 11 18. + Quan sát băng giấy, nhận xét: “11 đứng trước 18”, nói: “11 bé hơn 18”, viết “11 < 18”. - Chia sẻ với bạn cách làm. Tương tự HS làm các phần còn lại.
---	---

Bài 50.

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- So sánh được các số có hai chữ số.
- Thực hành vận dụng so sánh số trong tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Các thẻ số 38, 99, 83 và một số thẻ số khác.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
---------------	---------------

A. Hoạt động khởi động - Chơi trò chơi “Đố bạn”: - GV chiếu <i>Bảng các số từ 1 đến 100</i>. B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở. - Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em. Bài 2 - Cho HS lấy các thẻ số 38, 99, 83. Đố bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn. Có thể thay bằng các thẻ số khác và thực hiện tương tự như trên. Bài 3 - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh. C. Hoạt động vận dụng Bài 4 a.Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về các thông tin liên quan đến các số trong bức tranh. - Trong các số em vừa đọc ở câu a): số lớn nhất là số 50; số bé nhất là số 1; Số tròn chục bé nhất là số 10; số tròn chục lớn nhất là số 50. D.Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Để có thể so sánh hai số chính xác em nhắn bạn điều gì?	HS chọn hai số bất kì trong bảng rồi đố bạn so sánh hai số đó. - HS suy nghĩ, tự so sánh - HS thực hiện - HS quan sát tranh thực hiện - HS đọc số điểm của mỗi bạn trong trò chơi thi tăng cầu rồi sắp xếp tên các bạn theo thứ tự số điểm từ lớn đến bé. - HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? - HS đọc các số còn thiếu giúp nhà thám hiểm vượt qua chướng ngại vật.
(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh Thông qua việc so sánh hai số sử dụng quan hệ lớn hơn, bé hơn, bằng nhau và các kí hiệu ($>$, $<$, $=$), HS có cơ hội được phát triển NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học. - Thông qua việc đặt câu hỏi và trả lời liên quan đến các tình huống có quan hệ <i>lớn hơn, bé hơn</i>,	

bằng nhau, HS có cơ hội được phát triển NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.	
---	--

Bài 51. DÀI HƠN - NGẮN HƠN

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Có biểu tượng về “dài hơn”, “ngắn hơn”, “dài nhất” “ngắn nhất”.
- Thực hành vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học : NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

II CHUẨN BỊ

- Các băng giấy có độ dài ngắn khác nhau.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A.Hoạt động khởi động - Cho HS thực hiện Các hoạt động sau theo cặp: GVHD Mỗi HS lấy ra một băng giấy, hai bạn cạnh nhau cùng nhau quan sát các băng giấy, nói cho bạn nghe: băng giấy nào dài hơn, băng giấy nào ngắn hơn. B.Hoạt động hình thành kiến thức 1.Cho HS quan sát tranh, nhận xét bút chì xanh dài hơn bút chì đỏ, bút chì đỏ ngắn hơn bút chì xanh. 2.GV gắn hai băng giấy lên bảng 3.Thực hiện theo nhóm 4: bốn bạn trong nhóm đặt các băng giấy của mình lên bàn, nhận xét băng giấy nào dài nhất, băng giấy nào ngắn nhất. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. Cho HS thực hiện các thao tác: - Quan sát hình, trong từng trường hợp xác định: Đồ vật nào dài hơn? Đồ vật nào ngắn hơn? Chiếc thang nào dài hơn? Chiếc thang nào ngắn hơn? Bài 2. Cho HS thực hiện các thao tác: - Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “dài hơn”, “ngắn hơn”, “dài nhất”, “ngắn nhất” để nói về các chiếc váy có trong bức tranh. Bài 3. Cho HS thực hiện các thao tác: - Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, để mô tả các con vật. D.Hoạt động vận dụng Bài 4. Cho HS thực hiện các thao tác: Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất” để mô tả mọi người trong bức tranh. * HS chơi trò chơi “Bạn nào cao hơn, bạn nào cao nhất” theo nhóm: HS trong nhóm đứng cùng nhau, dùng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao	- HS thực hiện Đại diện cặp HS gắn hai băng giấy của mình lên bảng và nói cách nhận biết băng giấy nào dài hơn, băng giấy nào ngắn hơn. - HS nói suy nghĩ và cách làm của mình để biết bút chì nào dài hơn, bút chì nào ngắn hơn. HS chỉ vào băng giấy dài hơn, nói: “Băng giấy đỏ dài hơn băng giấy xanh; Băng giấy xanh ngắn hơn băng giấy đỏ”. - HS thực hiện - HS thực hiện - Giải thích cho bạn nghe. - Một vài cặp HS chia sẻ trước lớp. - Một vài cặp HS chia sẻ trước lớp. - HS thực hiện - HS so sánh một số đồ dùng như bút chì, tẩy, hộp bút, ... với bạn rồi nói kết quả, chẳng hạn: Bút chì của tớ dài hơn bút chì

nhất”, “thấp nhất” để nói về bản thân, chẳng hạn: Tớ cao hơn Lan; Tớ thấp hơn Nam, ... E.Củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến so sánh độ dài, chiều cao sử dụng các từ “dài hơn”, “ngắn hơn”, “cao hơn”, “thấp hơn” để hôm sau chia sẻ với các bạn.	của bạn, ...
--	--------------

TUẦN 18

Bài 52.

ĐO ĐỘ DÀI

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết đo độ dài bằng nhiều đơn vị đo khác nhau như: gang tay, sải tay, bước chân, que tính, ...
- Thực hành đo chiều dài bằng lớp học, bàn học, lớp học, ...
- Phát triển các NL toán học: giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

II.CHUẨN BỊ

Một số đồ dùng để đo như: que tính, kẹp giấy, ...

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A.Hoạt động khởi động - Cho HS thực hiện các hoạt động sau theo cặp: - Hãy suy nghĩ xem, ngoài gang tay, sải tay, bước chân chúng ta có thể dùng cái gì để đo? B.Hoạt động hình thành kiến thức 1. GV hướng dẫn HS đo bằng gang tay, sải tay, bước chân: GV hướng dẫn mẫu, gọi HS lên bảng thực hành theo mẫu cho các bạn xem, nói kết quả đo, chẳng hạn: Chiếc bàn dài khoảng 10 gang tay. 2.Cho HS thực hành đo theo nhóm, ghi lại kết quả đo, chẳng hạn: - Đo bàn học bằng gang tay, đo chiều dài lớp học bằng bước chân, đo chiều dài bảng lớp bằng sải tay, đo ghế ngồi của em bằng que tính. - GV nhận xét cách đo của các nhóm, nhắc HS các lưu ý khi đo. Đặt câu hỏi giúp HS hiểu có thể dùng gang tay, sải tay, bước chân để đo độ dài nhưng cũng có thể dùng que tính hoặc các vật khác để đo.	- Quan sát tranh và chia sẻ với bạn xem các bạn nhỏ trong bức tranh đang làm gì? (Đo độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân, ...). - HS thực hiện - HS thực hiện - HS thực hành đo theo nhóm - Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả đo trước lớp. - HS nhận xét, qua thực hành rút ra kinh nghiệm khi đo và ghi kết quả đo.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1. – Cho HS thực hiện các thao tác:

- HS thực hiện
- Quan sát tranh vẽ, nói với bạn về hoạt động của các bạn trong tranh.
- Nói kết quả đo (đã thực hiện ở hoạt động ở phần B).

Bài 2. HS thực hiện các thao tác sau rồi trao đổi với bạn:

- Quan sát hình vẽ, nêu chiều dài của chiếc bút, của chiếc lược.

Nhận xét: Có thể dùng kẹp giấy, kim băng hoặc các đồ vật khác để đo độ dài; cùng một vật đo bằng các đồ vật khác nhau thì có kết quả khác nhau (chiếc bút dài bằng 6 ghim giấy và dài bằng 4 cái tẩy).

D. Hoạt động vận dụng

Bài 3. – Cho HS thực hiện các thao tác:

- Quan sát hình vẽ, đặt câu hỏi cho bạn sử dụng các từ “cao hơn”, “thấp hơn”, “cao nhất”, “thấp nhất”, “bằng nhau” để mô tả các ngôi nhà trong bức tranh.
- Một vài cặp HS chia sẻ trước lớp.

E. Củng cố, dặn dò

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?
- Về nhà, em hãy dùng gang tay, sải tay, bước chân, que tính để đo một số đồ dùng, chẳng hạn đo chiều dài căn phòng em ngủ dài bao nhiêu bước chân bàn học của em dài mấy que tính, ... để hôm sau chia sẻ với các bạn

Bài 53.

XĂNG-TI-MÉT

I. MỤC TIÊU

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:
- Biết xăng-ti-mét là đơn vị đo độ dài, viết tắt là cm.
- Cảm nhận được độ dài thực tế 1 cm.
- Biết dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài đoạn thẳng, vận dụng trong giải quyết các tình huống thực tế.
- Phát triển các NL toán học. NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ và phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Thước có vạch chia xăng-ti-mét.
- Một số băng giấy với độ dài xăng-ti-mét định trước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động - GV tổ chức cho một số HS cùng đo một đồ vật, chẳng hạn đo chiều rộng bàn GV. HS dùng gang tay để đo và đọc kết quả đo GV cũng dùng gang tay của mình đo chiều rộng bàn và nói kết	- Tổ chức cho một số HS cùng đo một đồ vật,

quả đo. - Cho HS nhận xét, cùng đo chiều rộng bàn GV nhưng mỗi người đo lại có kết quả khác nhau. Tại sao? Thảo luận nhóm: Làm thế nào để có kết quả đo chính xác, khi đo một vật ai đo cũng có kết quả giống nhau? B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Giới thiệu khung công thức trang 117 SGK. 2. Cho HS lấy thước, quan sát thước, trao đổi với bạn các thông tin quan sát được: - Nhận xét các vạch chia trên thước. - Các số trên thước, số 0 là điểm bắt đầu. HS tìm trên thước các độ dài 1 cm (các độ dài từ 0 đến 1; từ 1 đến 2; ...), HS dùng bút chì tô vào một đoạn giữa hai vạch ghi số trên thước kể nói: “một xăng-ti-mét”. - Trong bàn tay của em, ngón tay nào có chiều rộng khoảng 1 cm? - Tìm một số đồ vật, sự vật trong thực tế có độ dài khoảng 1 cm. 3. Hướng dẫn HS dùng thước đo độ dài theo 3 bước: - Bước 1: Đặt vạch số 0 của thước trùng với một đầu của vật, để mép thước dọc theo chiều dài của vật - Bước 2: Đọc số ghi ở vạch của thước, trùng với đầu còn lại của vật, đọc kèm theo đơn vị đo cm. - Bước 3: Viết số đo độ dài đoạn thẳng vào chỗ thích hợp. C. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1. Cho HS thực hiện thao tác: Đọc chiều dài của hộp màu. Bài 2. – Cho HS thực hiện các thao tác: - HS dùng thước đo độ dài mỗi băng giấy và nêu kết quả đo. HS nhận xét cách đo và nêu những lưu ý để có số đo chính xác. - HS thảo luận tìm băng giấy dài nhất, băng giấy ngắn nhất. Nêu cách xác định băng giấy dài nhất, băng giấy ngắn nhất (so sánh trực tiếp các băng giấy hoặc so sánh gián tiếp qua số đo của chúng). Bài 3	(Có bạn tay to, có bạn tay nhỏ, tay cô giáo to) - HS lấy thước, quan sát - Nhận xét - Lấy kéo cắt băng giấy thành các mẫu giấy nhỏ dài 1 cm, cho bạn xem và nói: “Tớ có các mẫu giấy dài 1 cm”. * Thực hành đo độ dài theo nhóm, mỗi HS dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo chiều dài mỗi băng giấy rồi viết kết quả đo vào băng giấy, đọc kết quả đo và nói cách đo trong nhóm. - HS thực hiện - HS thực hiện
---	---

- Cho HS thực hiện các thao tác: HS chọn câu đúng, lập luận câu nào đúng, câu nào sai, tại sao; Từ đó, HS nêu cách đo đúng và nhắc các bạn tránh lỗi sai khi đo độ dài. D. Hoạt động vận dụng Bài 4. HS chơi trò chơi “Ước lượng độ dài” theo cặp hoặc nhóm: E. củng cố, dặn dò - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? - Khi dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo em nhận bạn điều gì? - Về nhà, em hãy tập ước lượng một số đồ dùng, đồ vật sử dụng đơn vị đo độ dài xăng-ti-mét, em cũng có thể dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để kiểm tra lại xem mình đã ước lượng đúng chưa.	- HS thực hiện - HS trong nhóm đứng cùng nhau, chỉ vào một số đồ dùng học tập rồi đoán độ dài của đồ dùng đó. Sau đó, kiểm tra lại bằng thước.
---	--

Bài 54.

EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.
- Thực hành vận dụng đọc, viết, so sánh các số đã học trong tình huống thực tế.

Phát triển các NL toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Bảng các số từ 1 đến 100.
- Một số thẻ số để làm bài 4, 5, 6.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động Chơi trò chơi “Bí ẩn mỗi con số” theo nhóm hoặc cả lớp:	- Cho Mỗi HS viết ra 5 số (mỗi số chứa một thông tin bí mật và có ý nghĩa nào đó liên quan đến người viết) rồi đưa cho các bạn trong nhóm xem. - Các HS khác đọc số, suy nghĩ, dự đoán và đặt câu hỏi để biết những số bạn viết ra có bí ẩn gì. Mỗi số được đoán 3 lần, ai giải mã được nhiều số bí ẩn nhất người đó thắng cuộc.
B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1 - HD HS viết ra vở hoặc đặt các thẻ số còn thiếu vào ô ? trong bảng các số từ 1 đến 100 rồi đọc kết quả cho bạn nghe. - HD HS đặt câu hỏi cho bạn để cùng nhau nắm vững một số đặc điểm của bảng các số từ 1 đến 100, chẳng hạn: + Bảng này có bao nhiêu số?	HS viết ra vở hoặc đặt các thẻ số còn thiếu vào ô HS đặt câu hỏi

+ Nhận xét các số ở hàng ngang, hàng dọc. + Che đi một hàng (hoặc một cột), đọc các số đã che. + Chọn hai số, so sánh hai số đã chọn. + Chọn 3 hoặc 4 số, so sánh rồi chỉ ra số nào lớn nhất, số nào bé nhất. Bài 2 a) Cho HS thực hiện theo cặp: Cùng nhau rút ra hai thẻ số bất kì, so sánh xem số nào lớn hơn, số nào bé hơn. Đọc cho bạn nghe kết quả và chia sẻ cách làm. b) HS thực hiện các thao tác: - Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và Viết kết quả vào vở. - Cho HS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. GV đặt câu hỏi để HS giải thích cách so sánh của các em. Bài 3 - Cho HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: - Số 28 gồm 2 chục và 8 đơn vị; - Số 41 gồm 4 chục và 1 đơn vị; - Số 55 gồm 5 chục và 5 đơn vị; - Số 70 gồm 7 chục và 0 đơn vị; - Số 99 gồm 9 chục và 9 đơn vị. - GV nhận xét Bài 4 - Cho HS quan sát các số 49, 68, 34, 55. Suy nghĩ tìm số bé nhất, số lớn nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ lớn đến bé. Bài 5 - Cho HS quan sát tranh và đếm số lượng đồ vật trong mỗi hình. - Đặt thẻ số phù hợp vào ô dấu ?. C. Hoạt động vận dụng Bài 6 - Cho HS dùng thước có vạch xăng-ti-mét để đo chiều cao của cửa sổ, cửa ra vào, chiều ngang ngôi nhà và chiều dài mái nhà. - Cho HS dùng các thẻ số gắn vào các ô dấu ? cho phù hợp. D. củng cố, dặn dò Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Để có thể đếm đúng số lượng, so sánh chính xác hai số em nhắn bạn điều gì?	- HS thực hiện theo cặp - HS thực hiện - HS thực hiện - HS trả lời rồi chia sẻ với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: - HS quan sát, sắp xếp - HS quan sát tranh - HS chia sẻ thông tin thực tiễn về đếm số lượng trong cuộc sống (Hàng ngày, các em có phải đếm không? Kể một vài tình huống, ...) - HS thực hiện
---	---